



CHƯƠNG VII

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

**Hãy cùng xem sự nỗ lực của chúng ta
Một thành công nhỏ
hơn một ý tưởng lớn thất bại**





I. GIÁM SÁT PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

1.1. Giám sát phát triển cộng đồng là gì?

Giám sát là quá trình theo dõi liên tục các hoạt động phát triển cộng đồng khi triển khai, kiểm tra và so sánh kết quả thực tế được tiến hành với kế hoạch được đề ra (tiến độ công việc và chi tiêu tài chính) để có những đề xuất và điều chỉnh kịp thời nhằm làm cho các hoạt động đạt kết quả và hiệu quả tối đa.

1.2. Mục đích của giám sát

- Cung cấp các thông tin cần thiết nhằm có những điều chỉnh kế hoạch hoạt động kịp thời và phù hợp với tình hình thực tế;
- Thu thập các dữ liệu cho việc đánh giá sau này.

1.3. Những nguyên tắc trong tiến trình giám sát

- Phải được tiến hành một cách thường xuyên, liên tục;
- Phải được thực hiện dựa trên các kế hoạch đã đề ra;
- Phải giải quyết những phát sinh trong tiến trình giám sát một cách trung thực, kịp thời và khách quan;
- Phải dựa trên mục tiêu cải thiện hiệu quả các hoạt động của dự án.

1.4. Các phương pháp giám sát

a) Phương pháp chuyên gia

Là phương pháp giám sát được thực hiện thông qua đội ngũ chuyên gia hay những cán bộ có trình độ chuyên môn về lĩnh vực đó.

- Ưu điểm: Tính khoa học cao, có thể thực hiện được đối với hầu hết các công việc và nội dung của dự án.
- Nhược điểm: Chi phí thường cao và tính bao quát thường thấp do hạn chế về nguồn lực (không đủ số lượng). Giám sát cần liên tục nên chi phí sẽ cao.



b) Giám sát dựa vào cộng đồng

Là phương pháp giám sát mà đơn vị thực hiện giám sát chính là cộng đồng nơi các hoạt động phát triển cộng đồng đang được thực hiện.

- Ưu điểm: Có tính bao quát lớn.
- Nhược điểm: Phương pháp này chỉ có thể giám sát đối với những hoạt động hay nội dung không yêu cầu về mặt kỹ thuật cao.

Từ những đặc điểm trên của các phương pháp giám sát, chúng ta thấy rằng phương pháp chuyên gia có thể được sử dụng độc lập trong quá trình giám sát dự án, nhưng phương pháp dựa vào cộng đồng thì không. Trong thực tế, giám sát theo phương pháp chuyên gia là phương pháp bắt buộc (ở một số dự án hay chương trình phát triển cộng đồng) kết hợp phương pháp dựa vào cộng đồng để giám sát (chủ yếu là phương pháp bổ trợ), nhằm làm tăng tính chặt chẽ cũng như tính chính xác của hoạt động phát triển cộng đồng.

c) Giám sát thường xuyên

Là phương pháp giám sát mà tiến trình giám sát được thực hiện một cách thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian thực hiện các hoạt động phát triển cộng đồng, các dự án.

- Ưu điểm:
 - Các thông tin được ghi chép và theo dõi một cách kịp thời để có những đề xuất kịp thời và có thể làm giảm chi phí nếu có những điều chỉnh.
- Nhược điểm:
 - Phương pháp này đòi hỏi việc giám sát tốn nhiều thời gian và người thực hiện giám sát phải có sự kiên nhẫn cao.
 - Đôi khi không thể đảm bảo đối với các dự án có yêu cầu kỹ thuật cao.



d) *Giám sát dựa vào kết quả*

Là phương pháp giám sát dựa vào kết quả hoạt động của từng nội dung công việc của dự án để cho phép các hoạt động tiếp tục hay phải điều chỉnh lại trước khi tiến hành các hoạt động tiếp theo.

- Ưu điểm:
 - Thời gian giám sát có thể yêu cầu không lớn.
- Nhược điểm:
 - Đòi hỏi phải có công cụ và các trang thiết bị đủ yêu cầu mới có thể thực hiện giám sát các hoạt động theo phương pháp này. Chi phí cho hoạt động giám sát cũng khá lớn;
 - Đôi khi không phát hiện ra những sai sót hay những sai lệch do đơn vị thực hiện dùng các phương pháp để che giấu.

😊 Từ đó chúng ta thấy rằng không thể sử dụng một phương pháp đơn lẻ nào mà cần có sự phối hợp các phương pháp giám sát đối với các hoạt động phát triển cộng đồng. Tùy theo yêu cầu mà có sự lựa chọn cho phù hợp nhằm tăng hiệu quả của hoạt động giám sát.

II. ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

2.1. Đánh giá phát triển cộng đồng là gì?

Đánh giá phát triển cộng đồng là hoạt động xem xét một cách toàn diện và có hệ thống về mức độ đáp ứng các mục tiêu, chất lượng các hoạt động và hiệu quả của chương trình/dự án, hay ảnh hưởng của nó đối với cộng đồng.

2.2. Các loại đánh giá

- a) **Đánh giá các hoạt động đang tiến hành (đánh giá giữa kỳ)**
 - Là hoạt động đánh giá được thực hiện trong khi chương trình/dự án đang thực hiện.



- Đây là loại đánh giá để xem xét những qui trình đó được sử dụng và mức độ hợp lý của nó cũng như những nguy cơ hay cơ hội đối với các hoạt động của chương trình/dự án.

Mục tiêu đánh giá

Tìm ra tính hợp lý và bất hợp lý đối với các hoạt động của chương trình/dự án để từ đó có những điều chỉnh đối với các hoạt động tiếp theo nhằm tăng tính hiệu quả của các hoạt động.

Các tiêu chí cần đánh giá

- Các hoạt động, kết quả đạt được so với kế hoạch;
- Mức độ thích hợp của các hoạt động. Bao gồm thích hợp về tiến trình thực hiện, đối tượng thực hiện và đối tượng chịu tác động;
- Mức độ đáp ứng nhu cầu của người hưởng lợi;
- Tính bền vững, tính nhân rộng của các hoạt động chương trình/dự án;
- Những ảnh hưởng ban đầu của chương trình/dự án đối với cộng đồng.

Thời gian thực hiện

Đánh giá này thường được tiến hành vào thời điểm chương trình/dự án đang tiến hành theo yêu cầu của các bên liên quan như cơ quan tài trợ, cơ quan thực hiện hay người dân địa phương.

Ai tham gia đánh giá

- Người tham gia đánh giá là bên ngoài:
Là những chuyên gia có chuyên môn tốt về lĩnh vực đó và họ thông thường được thuê bởi cơ quan tài trợ.
- Người tham gia đánh giá là những người cộng đồng:
 - Những người hưởng lợi trực tiếp;



- Các bên liên quan ở cộng đồng;
- Người thực hiện.



b) Đánh giá kết thúc dự án

Mục tiêu đánh giá:

Nhằm xác định mức độ thực hiện các mục tiêu của dự án để từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho các hoạt động tiếp theo của phát triển cộng đồng. Tức là, đánh giá kết quả của các hoạt động của chương trình/dự án, mức độ ảnh hưởng và tác động của nó tại thời điểm đánh giá, tính bền vững của những kết quả đạt được và hiệu quả của các chương trình/dự án.

Các tiêu chí cần đánh giá

- Có đạt được mục tiêu đề ra hay không?
- Mức độ thành công của từng hoạt động cụ thể trong từng chương trình/dự án;
- Mức độ thích hợp, năng suất, hiệu quả, tính bền vững của chương trình/dự án;
- Hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án và từng hoạt động cụ thể của chương trình/dự án;



- Hiệu quả về mặt môi trường, tăng năng lực hay các hiệu quả khác;
- Có nên phát triển các chương trình, hoạt động tương tự như thế hay không?

Thời gian thực hiện

Hoạt động đánh giá kết thúc được thực hiện vào cuối chu kỳ các hoạt động của chương trình/dự án (khi kết thúc).

Người tham gia và tiến trình tham gia

Người tham gia và tiến trình tham gia cũng **tương tự như phần giám sát** hoạt động phát triển cộng đồng. Tuy nhiên, cần chú ý rằng trọng tâm của loại đánh giá này có sự khác biệt. Nó không chỉ tập trung trên phương diện thích hợp mà chủ yếu trên phương diện ảnh hưởng và tính hiệu quả cũng như tính bền vững của chương trình/dự án.

III. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG CÓ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN

3.1. Một số điểm khác biệt giữa giám sát và đánh giá

Giám sát và đánh giá đều là hoạt động quản lý hay nói cách khác đều là công cụ để quản lý các hoạt động phát triển cộng đồng. Tuy nhiên giám sát và đánh giá có một số khác biệt:

- Giám sát có tính chất định kỳ chứ không phải chỉ làm duy nhất một lần, nhằm thẩm định các chỉ số đã được lựa chọn để xác định hiệu quả của các can thiệp nhất định về chính sách hoặc các thay đổi. Vì thế **giám sát là việc diễn ra thường xuyên**, có thể là hàng ngày; trong khi đó **đánh giá lại diễn ra ít hơn**, một vài lần trong các mốc thời gian triển khai các hoạt động như giữa kỳ hoặc cuối kỳ dự án.
- Giám sát hầu như được thực hiện dựa trên các chỉ số mong đợi trong **bản kế hoạch các hoạt động**, trong khi đó đánh giá thường dựa vào **những câu hỏi có tính tổng quan** hoặc thẩm định các dữ liệu thông tin về:



- Các hoạt động đã diễn ra như thế nào?
 - Các định hướng thay đổi nào xuất hiện?
 - Các hoạt động nào đạt được mục tiêu?
 - Làm thế nào để các nỗ lực trong tương lai được cải thiện?
- **Đánh giá có sự tham gia là hoạt động cuối cùng** để phân xét tình hình và giá trị của các tác động. Đánh giá là một phương tiện để thẩm định một cách tổng quan các chương trình, dự án phát triển; các tác động có ý nghĩa khác nhau đến sự phát triển của cộng đồng.
 - Giám sát có tính chất thường xuyên để cung cấp thông tin về tiến trình, trong khi đó đánh giá được thực hiện trong những thời điểm nhất định và thường nhấn mạnh đến kết quả và các tác động có tính chất tổng hợp của các hoạt động.
 - Giám sát và đánh giá có sự tham gia của người dân đều có cùng mục tiêu. Đó là những công cụ để các bên có khả năng cải thiện hiệu quả và hiệu suất của họ. Đó cũng là một quá trình học hỏi, nâng cao hiểu biết và nhận thức của những người tham gia về tính đa dạng của các yếu tố và tác động ảnh hưởng của chúng đến các hoạt động phát triển cộng đồng. Quá trình đó cũng tăng khả năng kiểm soát của họ đối với sự phát triển, đồng thời đánh giá sự tiến bộ và học tập của họ từ những thiếu sót đã qua.

3.2. Các bước tiến hành giám sát và đánh giá có sự tham gia của cộng đồng

Bước 1: Ra các quyết định thực hiện giám sát, đánh giá

Bước 2: Xác định các thành viên có khả năng tham gia

- Ai là người có khả năng hoặc kiến thức, năng lực gì là cần thiết cho giám sát để bảo đảm cho việc giám sát có hiệu quả?
- Mời tất cả các bên liên quan làm thành viên giám sát, làm rõ tất cả các bước với các bên.



Bước 3: Xác định các mục tiêu giám sát và đánh giá từ quan điểm của các nhóm thành viên

- Tại sao họ quan tâm đến giám sát? Phạm vi và quy mô mà mỗi nhóm cam kết và tham gia trong các nhiệm vụ khác nhau.
- Các chỉ tiêu của giám sát cần rõ ràng cho từng mục tiêu của các hoạt động phát triển cộng đồng được triển khai.

Bước 4: Làm rõ các mục tiêu của các công việc đang được giám sát và đánh giá

Đây là một bước quan trọng để giám sát đúng mục tiêu của các hoạt động đang làm. Các mục tiêu của phát triển cộng đồng cần được định dạng chuẩn xác trong từng giai đoạn và cần được làm rõ và cung cấp đầy đủ cho mọi thành viên giám sát.

Bước 5: Xác định và lựa chọn các tiêu chí

Đây là một trong những bước khó khăn nhất. Mỗi mục tiêu có thể có những chỉ tiêu thẩm định, giám sát khác nhau. Một hướng dẫn chung là các tiêu chí giám sát cần được làm rõ theo công thức **SMART** (Specific: Cụ thể; Measurable: Đo lường được; Attainable: Khả thi; Relevant: Có liên quan; Timely: Có tính đến thời gian)

Bước 6: Lựa chọn các phương pháp

Việc lựa chọn phương pháp phụ thuộc vào yếu tố thời gian, kỹ năng, kỹ thuật, công nghệ và nguồn lực cho phép. Tốt nhất là tìm một phương pháp có khả năng sử dụng để thẩm định một vài tiêu chí. Như yêu cầu của giám sát, cần xác định phương pháp thu thập, ghi chép, phân tích và chia sẻ thông tin tốt nhất ứng với mỗi tiêu chí.

Bước 7: Quyết định tần suất và thời gian giám sát

Mỗi tiêu chí nhất định được thẩm định và thu thập thông tin tốt nhất ở một thời điểm nhất định trong quá trình triển khai.

Bước 8: Chuẩn bị và hoàn chỉnh phương pháp

Thử nghiệm các phương pháp và các công cụ dùng để đánh giá



các tiêu chí để bảo đảm rằng chúng có liên quan, thực tế, đáng tin cậy, khả thi để áp dụng. Cân nhắc việc đào tạo cho các thành viên giám sát, đánh giá trong các bước khác nhau để bảo đảm họ có thể thực hiện công việc một cách chuẩn xác.

Bước 9: Hệ thống hóa dữ liệu

Hệ thống hoá các dữ liệu thu thập được rất quan trọng để có thể hiểu được các thay đổi, và việc thay đổi ở đâu, khi nào.

Khi bắt đầu triển khai, cần phải tập hợp và ghi chép lại các thông tin về lĩnh vực hoạt động phát triển cộng đồng dự kiến sẽ triển khai tại thời điểm đó.

Khi kết thúc các hoạt động, cần phải điều tra, thu thập các thông tin để làm cơ sở đánh giá sự thay đổi trong quá trình thực hiện dự án.

Bước 10: Đối chiếu dữ liệu, thông tin

Sau khi thu thập thông tin và dữ liệu, cần phải đối chiếu, phân tích và chia sẻ với các thành viên và các nhóm liên quan. Rất quan trọng trong việc cân nhắc các phương pháp phân tích thông tin và ai sẽ là người phân tích. Tốt nhất là người tham gia thu thập thông tin cũng là người phân tích để tránh sự hiểu sai các dữ liệu đã tìm thấy.

Bước 11: Tài liệu hoá các phát hiện

Các nội dung phát hiện cần được tài liệu hoá một cách hệ thống, để đáp ứng nhu cầu của người quản lý chương trình, các hoạt động và các đơn vị tham gia thực thi.

Bước 12: Sử dụng thông tin

Cuối cùng, cần phải cung cấp một cách đầy đủ các dữ liệu cho các nhóm liên quan kể cả người dân địa phương và các bên có liên quan để ra các quyết định nhằm giải quyết vấn đề hoặc lập kế hoạch điều chỉnh cho tương lai.

Ví dụ các phát hiện của giám sát có thể được sử dụng để thay đổi thái độ của người sử dụng, tổ chức cộng đồng hoặc các tổ chức phi chính phủ, chính phủ, nhà tài trợ, nhà nghiên cứu, nhà lập



chính sách; nhằm cải tiến việc thực hiện các mục tiêu hoặc giới hạn các tác động tiêu cực của nó đến kết quả của các hoạt động phát triển cộng đồng.

3.3. Ai tham gia vào giám sát, đánh giá và khi nào?

Để xác định ai tham gia vào các bước của giám sát và đánh giá, bạn cần thảo luận với các bên theo các câu hỏi sau:

- Các nhóm có liên quan gì với hoạt động giám sát?
- Ai sẽ sử dụng thông tin cuối cùng?
- Mức độ khó khăn khi giám sát và đánh giá?

Nội dung	Ai làm?	Khi nào?
Thiết kế phương pháp		
Thu thập dữ liệu		
Đối chiếu, tính toán		
Phân tích các phát hiện		
Cung cấp thông tin		
Xử lý, báo cáo và phản hồi		

3.4. Những nội dung cần đánh giá

- a) Đánh giá **hiệu quả kinh tế** của các hoạt động phát triển cộng đồng, các chương trình/dự án
 - Đánh giá hiệu quả kinh tế là việc xem xét so sánh kết quả đạt được so với các nguồn lực đã bỏ ra;
 - Để đánh giá hiệu quả kinh tế của dự án, trước hết chúng ta phải lượng hoá được các chi phí của các nguồn lực khác nhau. Các chi phí này cần chú ý đến giá trị về mặt thời gian của tiền tệ;
 - Bên cạnh đó chúng ta cũng cần lượng hoá các kết quả của các hoạt động;
 - Từ những tính toán trên, khi tiến hành so sánh giữa chi phí và kết quả trên khía cạnh tuyệt đối hay tỷ lệ, thì chúng ta sẽ biết được hiệu quả kinh tế của các hoạt động này là cao hay thấp.



b) Đánh giá **tính thích hợp** của các hoạt động phát triển cộng đồng

Tính thích hợp của các hoạt động phát triển cộng đồng được xem xét và đánh giá trên các khía cạnh sau:

- Sự phù hợp về mục tiêu của các chương trình/dự án so với sự ưu tiên của người hưởng lợi hay cộng đồng. Tính phù hợp này cho phép các chương trình/dự án có thể giải quyết các vấn đề mà cộng đồng đặt ra và làm tăng tính hiệu quả của hoạt động phát triển cộng đồng;
- Tính phù hợp giữa các nguồn lực và mục tiêu sẽ cho phép các hoạt động của chương trình/dự án nói riêng hay các hoạt động phát triển cộng đồng nói chung có thể phát huy hiệu quả hay không. Nếu nguồn lực hạn chế trong khi mục tiêu quá lớn thì không thể đạt được mục tiêu hay nếu nguồn lực quá lớn mà mục tiêu giới hạn thì sẽ lãng phí nguồn lực;
- Đánh giá tính thích hợp của tiến trình là xem xét mức độ thích hợp của cách thức thực hiện các hoạt động cũng như sự liên kết của các hoạt động này. Cách thực hiện không hợp lý cũng không cho phép đạt được mục tiêu mong muốn;
- Xem xét sự phù hợp của các chương trình/dự án phát triển cộng đồng với các dự án khác trong vùng. Xem xét có sự bổ trợ hay sự cạnh tranh nào giữa các hoạt động phát triển cộng đồng này với các dự án trong khu vực hay không? Đây có thể là nguyên nhân làm cho hiệu quả của chương trình phát triển cộng đồng cao hơn hay thấp hơn theo như kế hoạch được đề ra.

c) Đánh giá **hiệu quả xã hội** của các chương trình/dự án phát triển cộng đồng

Bên cạnh việc xem xét hiệu quả về mặt kinh tế cũng cần xem xét hiệu quả về mặt xã hội mà phát triển cộng đồng mang lại. Tùy theo loại hoạt động mà hiệu quả về mặt xã hội sẽ lớn hay nhỏ và là hiệu quả chính hay phụ.



- Đối với các hoạt động, chương trình/dự án phát triển cộng đồng, hiệu quả xã hội đóng một vai trò hết sức quan trọng trong mục tiêu của phát triển cộng đồng.
- Trong hiệu quả về mặt xã hội cần chú ý các khía cạnh sau đây:
 - Khả năng tạo công ăn việc làm của các hoạt động;
 - Mức độ đóng góp của các hoạt động cho việc xoá đói giảm nghèo;
 - Mức độ giải quyết tình trạng bất bình đẳng trong phân phối thu nhập;
 - Mức độ cải thiện địa vị của các nhóm yếu thế, người nghèo, phụ nữ, người dân tộc, người cao tuổi v.v. trong cộng đồng (tiếng nói, cơ hội, sự tham gia, sự hưởng lợi);
 - Thay đổi tỷ lệ trẻ em đến trường của địa phương;
 - Mức độ cải thiện dịch vụ y tế của địa phương, cộng đồng;
 - Mức độ cải thiện các dịch vụ xã hội khác như thế nào.

Thông thường hiệu quả về mặt xã hội rất khó có thể lượng hoá được, nhưng nếu tiến hành đánh giá trên những góc độ khác nhau sẽ cho chúng ta cách nhìn cụ thể hơn về hiệu quả của phát triển cộng đồng.

- d) Đánh giá **tính bền vững** của các chương trình/dự án phát triển cộng đồng

Tính bền vững của phát triển cộng đồng đó chính là khả năng duy trì các hoạt động của họ khi chương trình/dự án đó kết thúc. Tính bền vững của chương trình/dự án sẽ cho phép hiệu quả của phát triển cộng đồng được tăng lên và mở rộng.

Sự bền vững của phát triển cộng đồng thể hiện qua các khía cạnh sau:



- Mức độ duy trì, bền vững các kết quả do phát triển cộng đồng tạo ra;
- Khả năng sử dụng tiếp theo đối với các kết quả được tạo ra;
- Khả năng duy trì hiệu quả đối với các hoạt động của phát triển cộng đồng;
- Khả năng nhân rộng các kết quả đã đạt được trong cộng đồng.

đ) Đánh giá **hiệu quả về mặt môi trường** của các chương trình/dự án phát triển cộng đồng

Hiệu quả về mặt môi trường của phát triển cộng đồng là mức độ đóng góp trên khía cạnh gìn giữ hay phát triển môi trường tốt hơn. Và thường nó được biểu hiện qua các khía cạnh sau:

- Khả năng chống xói mòn, rửa trôi hay giảm độ màu mỡ của đất;
- Tác động về giảm thiểu tác hại do thiên tai, lũ lụt;
- Khả năng giảm các chất thải hay loại bỏ các chất thải ra môi trường;
- Khả năng tham gia vào việc điều tiết tiểu khí hậu của các hoạt động phát triển cộng đồng;
- Khả năng giảm mặn, thích ứng biến đổi khí hậu trong tất cả các lĩnh vực ở cộng đồng.

e) Đánh giá **tác động** của các chương trình/dự án phát triển cộng đồng

Đánh giá tác động phát triển cộng đồng là việc xem xét, đánh giá ảnh hưởng của các hoạt động trên cơ sở kết hợp giữa ảnh hưởng hiện tại và lâu dài, ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp.

Việc đánh giá này bao gồm tất cả các nội dung trên, tuy nhiên việc đánh giá cần chú ý đến các khía cạnh sau:



- Khả năng ảnh hưởng của các hoạt động trong dài hạn;
- Những ảnh hưởng gián tiếp đối với các hoạt động phát triển cộng đồng;
- Những ảnh hưởng tiêu cực của hoạt động phát triển cộng đồng đã thực hiện;
- Những ảnh hưởng tích cực của hoạt động phát triển cộng đồng đã triển khai.

Trong việc đánh giá ảnh hưởng của phát triển cộng đồng cần xác định rõ đâu là ảnh hưởng của các hoạt động trong phạm vi đã triển khai và đâu là ảnh hưởng của yếu tố khác. Quá trình thay đổi của cộng đồng là rất phức tạp và nó bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau. Vì vậy, việc tách bạch những ảnh hưởng này thường rất khó và đòi hỏi phải có những điều tra kỹ lưỡng.



Lưu ý: Một số nguy cơ có thể xảy ra khi đánh giá:

- Người thực hiện phát triển cộng đồng tham gia không nhiệt tình và làm theo kiểu đối phó;
- Người hưởng lợi bị tác động để phản ánh sai thực tế;
- Đối tượng thực hiện sai sẽ cản trở người đánh giá;
- Thông tin từ các nguồn khác nhau không trùng khớp;
- Quan điểm của các bên đánh giá khác nhau.

Chính vì thế quá trình thu thập thông tin là rất quan trọng và đóng vai trò then chốt để có thể đánh giá một cách chính xác các hoạt động phát triển cộng đồng.



CHƯƠNG VIII

DUY TRÌ VÀ NHÂN RỘNG KẾT QUẢ THÀNH CÔNG TRONG PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

**Xây dựng một kết quả thành công là rất khó,
duy trì và nhân rộng kết quả đó còn khó hơn**





I. DUY TRÌ KẾT QUẢ THÀNH CÔNG TRONG PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

Trong thời gian thực hiện các hoạt động phát triển cộng đồng ở địa phương thường có sự tham gia của các bên liên quan và những người bên ngoài cộng đồng. Sau khi hoàn thành, những người bên ngoài cộng đồng không thể tiếp tục cùng cộng đồng tổ chức các hoạt động phát triển. Lúc này, người dân trong cộng đồng đóng vai trò chính trong việc duy trì kết quả mà họ đã đạt được. Thách thức lớn cho cộng đồng lúc này là làm sao duy trì các kết quả.

Sau đây là những gợi ý cho người làm phát triển cộng đồng và cộng đồng địa phương.

1.1. Bước 1: Tăng cường sự phối hợp giữa các bên liên quan

Trong quá trình xây dựng và thực hiện dự án, các bên (địa phương và các cơ quan bên ngoài) phải có mối liên hệ chặt chẽ và thường xuyên chia sẻ thông tin.

😊 **Lưu ý:** Nếu cộng đồng ít hoặc không được tham gia, họ sẽ nghĩ rằng các hoạt động đó là của dự án (của bên ngoài) và mang lại lợi ích cho dự án nên họ ít hay không quan tâm.

Đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên

- Người hưởng lợi: Dự án mang lại lợi ích cho các nhóm đối tượng cụ thể (phụ nữ, trẻ em, người già, người dân tộc thiểu số, v.v.), hộ gia đình hay cộng đồng.
- Chính quyền địa phương: Dự án góp phần đạt mục tiêu phát triển của địa phương.
- Cơ quan nghiên cứu/đào tạo: Dự án đạt được mục tiêu trong đào tạo, nghiên cứu chuyển giao khoa học công nghệ.
- Nhà tài trợ: Đạt được mục tiêu phát triển đề ra của nhà tài trợ.
- Các tổ chức/cá nhân khác: Hướng đến giá trị cốt lõi của các tổ chức/cá nhân.



1.2. Bước 2: Sự cam kết của cộng đồng

Duy trì hoạt động phát triển cộng đồng ở địa phương phụ thuộc rất lớn vào sự cam kết của cộng đồng vì chính họ là người quyết định tất cả các vấn đề.

Cộng đồng chỉ thực sự cam kết, trân trọng và duy trì các hoạt động đã được xây dựng khi:

- Lợi ích mang lại cho cộng đồng rõ ràng và hiệu quả;
- Các nội dung của dự án phải được minh bạch ngay từ đầu;
- Người dân được tham gia vào tất cả các hoạt động của dự án.

1.3. Bước 3: Thành lập Ban/tổ/nhóm điều hành cấp cộng đồng

Trong quá trình thực hiện dự án, các bên liên quan cần thảo luận với cộng đồng để thành lập Ban/tổ/nhóm để điều hành các hoạt động và duy trì, phát triển thành quả của dự án sau khi kết thúc. Ban/tổ/nhóm này bao gồm các thành viên là người trong cộng đồng, được hợp thức hóa bởi chính quyền địa phương và phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Được thành lập dựa trên quyết định của tất cả người hưởng lợi trong cộng đồng;
- Phải có sự chủ động tham gia của người hưởng lợi trực tiếp với tư cách là thành viên nòng cốt. Số lượng thành viên tùy thuộc vào hoạt động để người dân đề xuất;
- Ban điều hành cử người đứng đầu phụ trách;
- Phải xây dựng được các quy định/quy tắc chung để duy trì hoạt động (xem bước 5), phối hợp cùng với những người hưởng lợi của dự án.



Sự linh hoạt sẽ giúp các nhóm được duy trì và phát triển một cách bền vững

Khi thành lập nhóm, các nhóm chỉ nên tạm thời xác định số lượng thành viên, hoạt động của nhóm, danh sách nhóm và thậm chí là trưởng nhóm. Sau thời gian hoạt động, nhóm trưởng có thể được bầu lại từ thành viên của nhóm thông qua cách họ hoạt động và suy nghĩ cho nhóm. Trưởng nhóm không hẳn là người giỏi nhất của cộng đồng nhưng phải là người đáng tin cậy. Bên cạnh đó, các nhóm có thể linh hoạt trong việc thay đổi thành viên, hoặc chuyển đổi hoạt động nhóm, tách nhập các nhóm để các thành viên có thể học hỏi từ nhiều người cũng như học hỏi được kinh nghiệm sản xuất lẫn nhau. Vì vậy, không nên cố định nhóm vì sẽ rất khó để nhóm thay đổi, cải tiến. Hãy để nhóm tự do, linh hoạt trong việc thay đổi để ngày càng phát triển lớn mạnh.

1.4. Bước 4: Điều chỉnh nếu cần sau khi dự án kết thúc

Sau khi dự án kết thúc và đưa vào sử dụng, Ban/tổ/nhóm điều hành nên thường xuyên tổ chức họp lấy ý kiến của người dân để đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế. Điều này có thể gây ra một số quan điểm bất đồng trong cộng đồng, do vậy cần bàn bạc thảo luận với cộng đồng một cách cụ thể và cẩn thận để đi đến thống nhất.

Nếu có những điều chỉnh vượt ra ngoài phạm vi quyết định hay khả năng của nhóm hưởng lợi, thì Ban/tổ/nhóm điều hành phải báo cáo với cấp quản lý có thẩm quyền để tìm phương án điều chỉnh.

Mục đích của điều chỉnh là để các hoạt động phù hợp hơn với nguyện vọng của người dân.

1.5. Bước 5: Xây dựng và thống nhất các qui định

Các qui định là cơ sở để duy trì kết quả hoạt động phát triển cộng đồng. Có hai dạng qui định:



Qui định mang tính pháp lý và chính thống

Căn cứ vào thành quả của dự án, chính quyền địa phương (cấp xã, huyện) xây dựng các văn bản qui định liên quan đến duy trì các hoạt động. Các văn bản qui định này làm cơ sở cho cộng đồng và Ban quản lý dự án thực hiện việc duy trì có hiệu quả các kết quả/hoạt động sau khi dự án đã kết thúc.

Văn bản này qui định rõ trách nhiệm của tổ chức, các cá nhân, cộng đồng về quyền hạn và trách nhiệm để duy trì các hoạt động.


Qui định không chính thống

Qui định này do cộng đồng hay nhóm hưởng lợi đưa ra để duy trì các hoạt động/kết quả sau khi dự án kết thúc. Các qui định này như là các luật lệ ở địa phương để người dân thể hiện cam kết, vai trò trách nhiệm và quyền lợi của họ trong việc duy trì các hoạt động của dự án.

Ví dụ: Qui định sử dụng, bảo vệ và sửa chữa nhà cộng đồng thôn; Qui định xây dựng vườn rau dinh dưỡng cho trẻ em ở các hộ gia đình; Qui định về sử dụng nước sinh hoạt, v.v.

Khi xây dựng các qui định không chính thống nên:

- Tất cả mọi người trong cộng đồng hay nhóm hưởng lợi tham gia xây dựng;
- Nội dung qui định rõ ràng, có chế tài thực hiện;
- Ngắn gọn, dễ hiểu, dễ làm.

 **Lưu ý:** Trong phát triển cộng đồng, các qui định không chính thống thường được người dân địa phương coi trọng và cam kết thực hiện vì họ cảm nhận đó mới chính là sản phẩm của họ.


1.6. Bước 6: Duy trì nguồn lực để thực hiện các hoạt động

Để duy trì các thành quả/hoạt động trong phát triển cộng đồng một cách bền vững và lâu dài, cần phải xác định rõ các nguồn lực sau:

- **Nguồn lực tài chính:** Các hộ gia đình được hưởng lợi phải có nghĩa vụ đóng góp tài chính để duy trì các hoạt động.




Mức đóng góp dựa vào sự thỏa thuận và thống nhất của tất cả các thành viên. Ban/tổ/nhóm điều hành chịu trách nhiệm quản lý thu, chi, báo cáo định kỳ tình hình tài chính.

 **Lưu ý:** *Không có nguồn lực tài chính thì không thể duy trì các hoạt động một cách bền vững.* Ban/tổ/nhóm điều hành và cộng đồng phải tìm phương án xây dựng nguồn tài chính để duy trì.

- **Nguồn lực kỹ thuật:** Để duy trì, bảo dưỡng một số hạng mục có thể cần phải có kỹ thuật chuyên môn. Ban/tổ/nhóm điều hành của dự án và cộng đồng cần xác định rõ nguồn lực kỹ thuật được huy động như thế nào để ứng phó kịp thời việc duy trì các hoạt động khi sự cố kỹ thuật xảy ra.

Ví dụ: Việc sửa chữa những hư hỏng của hệ thống cấp nước sinh hoạt của địa phương hoặc sự cố hỏng hóc của các trang thiết bị được cung cấp.

- **Nguồn lực lao động:** Các hoạt động định kỳ, thường xuyên của Ban/tổ/nhóm điều hành của dự án, hay những lao động phát sinh khi duy trì hoạt động phải được thảo luận, đạt được sự đồng thuận và huy động được sự đóng góp của tất cả thành viên trong nhóm hưởng lợi và cộng đồng.

 **Lưu ý:** Minh bạch trong sử dụng nguồn lực tài chính, kỹ thuật và lao động để tạo lòng tin của tất cả thành viên trong cộng đồng. Ban/tổ/nhóm điều hành của dự án phải ghi chép đầy đủ, công khai và có sự giám sát của cộng đồng.

Sự tự chủ về kinh tế quyết định sự tồn tại của mạng lưới địa phương trong việc duy trì & nhân rộng kết quả.

Thành lập mạng lưới địa phương để thực hiện các dự án viện trợ thì không khó. Tuy nhiên, làm thế nào để duy trì mạng lưới này để nhân rộng kết quả của dự án mới là thách thức. Không ít các trường hợp, khi nhà nước ngừng hỗ trợ ngân sách sau khi các dự án viện trợ kết thúc, mạng lưới địa phương cũng ngừng hoạt động. Do vậy, cần phải xem xét, cân bằng lợi ích của những người chủ chốt trong cộng đồng về mặt vật chất cũng như tinh thần để cho không có sự hỗ trợ tài chính từ chính quyền, từ dự án, các mạng lưới địa phương này vẫn được vận hành và tiếp tục hỗ trợ các nơi khác với sự tự chủ về kinh tế của từng nhóm.



1.7. Bước 7: Thường xuyên giám sát, đánh giá

Khi kết thúc dự án, những kết quả sẽ được chuyển giao cho cộng đồng. Ban/tổ/nhóm điều hành phải có trách nhiệm thường xuyên giám sát hoạt động và định kỳ họp toàn thể người hưởng lợi để thông báo về tình hình của dự án.

😊 **Lưu ý:** Trong quá trình thực hiện dự án, cần phải chuẩn bị phương án về tài chính để cộng đồng có thể tiếp tục duy trì bền vững các hoạt động. Do vậy, trước khi dự án kết thúc, các bên liên quan cần phải bàn bạc thảo luận về cơ chế đảm bảo kinh phí để tiếp tục triển khai một cách bền vững.

II. NHÂN RỘNG KẾT QUẢ THÀNH CÔNG TRONG PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

Các kết quả thành công nếu được nhân rộng sẽ mang lại cho nhiều người được hưởng lợi. Đó cũng là mục đích cuối cùng của phát triển cộng đồng.

Ngay từ ban đầu, một dự án phát triển cộng đồng không thể triển khai với số lượng người tham gia đông. Do bị hạn chế về năng lực triển khai hoặc điều kiện tài chính, nên dự án thường sẽ bắt đầu bằng việc triển khai/áp dụng một số mô hình điểm cho một số hộ gia đình hay một số nhóm ở địa phương. Từ những hoạt động ban đầu này, nếu thành công dự án sẽ nhân rộng ra tới các hộ gia đình và địa phương khác để mang lại lợi ích cho nhiều người và nhiều cộng đồng.

2.1. Các yếu tố thúc đẩy nhân rộng kết quả thành công

a) Động lực để nhân rộng

Bạn cần hiểu động lực nào để người dân hay cộng đồng nhân rộng kết quả. Người dân rất thông minh và năng động! Họ đánh giá "mô hình" hay "sự thành công" của dự án theo cách riêng của họ. Tính đa dạng của cộng đồng và lý do họ thật sự cần là động lực để họ hay cộng đồng họ quyết định nhân rộng kết quả.



b) Nguồn lực để nhân rộng

Khi thực hiện dự án, các hộ gia đình tiên phong ban đầu thường được hỗ trợ các nguồn lực về tài chính và kỹ thuật. Khi dự án kết thúc thì nguồn hỗ trợ này cũng không còn nữa. Vậy để nhân rộng kết quả, người dân và cộng đồng phải huy động nguồn lực ở đâu? Có hai khả năng sau:

Những hộ gia đình có năng lực họ có thể có vốn đầu tư và tiếp cận được kỹ thuật. Hãy khuyến khích những hộ gia đình đó áp dụng, nhân rộng kết quả của dự án.

Những hộ gia đình khó khăn không có đủ tài chính và tiếp cận kỹ thuật để tự áp dụng các mô hình này. Bạn nên đến với họ để hiểu họ có thể làm được việc gì và hãy khuyến khích để họ bắt đầu trong khả năng của họ. Họ cần sự giúp đỡ của các hộ gia đình khác và cộng đồng, nên bạn hãy phối hợp cùng với cộng đồng tìm cách chia sẻ giữa các hộ gia đình để tạo nguồn lực cho họ cùng thực hiện.

Ví dụ: Tổ nhóm hộ gia đình giúp nhau nhân rộng mô hình chăn nuôi gà bằng cách cho nhau vay mượn con giống; Tổ nhóm hộ gia đình hỗ trợ nhau giống, phân bón trong sản xuất, chia sẻ kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt.





Thay đổi nhỏ tạo nên tác động lớn trong việc nhân rộng

Với dự án kỹ thuật nông nghiệp, việc đơn giản hóa, rút ngắn các bước kỹ thuật mới đóng vai trò thiết yếu trong việc nhân rộng. Việc truyền tải các bước kỹ thuật cơ bản nhất, và thực hiện trong quy mô nhỏ để tạo nên thành tựu, giảm thiểu rủi ro sẽ giúp hoạt động dễ dàng được nhân rộng nhiều hơn. Bên cạnh đó, cần xây dựng mạng lưới nông dân nòng cốt để hỗ trợ nguồn nhân lực hạn chế của cơ quan nhà nước trong việc nhân rộng rất cần thiết và hiệu quả. Tại dự án Cải thiện An ninh Lương thực ở Miền Trung Việt Nam (FIDR), một số bước kỹ thuật của việc áp dụng mô hình lúa cải tiến SRI đã được lược bỏ để người dân dễ dàng áp dụng nhưng vẫn đạt được hiệu quả đề ra (tăng năng suất, giảm chi phí đầu vào). Đồng thời, dự án cũng hỗ trợ đào tạo kỹ năng cho nhóm nông dân nòng cốt (ToT) để giúp nhân rộng những thành quả của dự án. Việc hỗ trợ cho lực lượng nông dân nòng cốt đã được cụ thể hóa thành chính sách của tỉnh Quảng Nam (Quyết định số 2834/QĐ-UBND ngày 20/9/2018).

c) Sự hỗ trợ từ bên ngoài

Các cơ quan/tổ chức bên ngoài tham gia hoạt động phát triển cộng đồng ở địa phương trong một thời gian nhất định, họ phải chuyển sang cộng đồng khác. Sự hỗ trợ của các cơ quan/ tổ chức này với địa phương sau khi kết thúc dự án là rất quý. Họ có thể sẽ tiếp tục tư vấn cho địa phương về việc duy trì, nhân rộng các mô hình thành công, cũng như cung cấp thông tin hay giới thiệu để địa phương được tiếp cận với những nguồn lực hỗ trợ khác.

Một số tổ chức chưa làm việc với bạn và cộng đồng trước đây, nhưng sự thành công của dự án đã làm cho họ quan tâm. Đó là những đối tác mới. Người làm công tác phát triển và cộng đồng nên tranh thủ tiếp cận những tổ chức này. Họ có thể cần sự giúp đỡ từ bạn hay cộng đồng, vì họ là người quan tâm đến cộng đồng đã làm thành công, nên sự hợp tác giữa họ và cộng đồng lúc này tạo nguồn sinh khí mới, tạo động lực to lớn cho việc duy trì và nhân rộng những thành quả của phát triển cộng đồng.



Phát huy và sử dụng người ở cộng đồng khác nhưng có điều kiện tương đồng để hỗ trợ nhân rộng mô hình

Đối với các vùng nhân rộng mới, có thể tận dụng những người đã áp dụng mô hình ở dự án trước đó để hướng dẫn kỹ thuật. Như trường hợp nhân rộng mô hình canh tác lúa cải tiến SRI, ông Nguyễn Bồ, một nông dân người Kinh trên 65 tuổi sống tại vùng thấp thôn Bắc An Sơn, xã Quế Thọ cùng ông Thái Văn Tình – là những nông dân nòng cốt của Dự án Cải thiện an ninh lương thực (FIDR) - đã tình nguyện lên vùng cao huyện Hiệp Đức để truyền tải kinh nghiệm của mình. Không ngại rào cản tuổi cao, đường xa, ngôn ngữ và văn hóa khác biệt, hai ông đã tìm hiểu thực tế địa phương, bắt chuyện để hiểu tâm tư của người địa phương rồi từ đó từng bước giúp bà con thiếu số các xã vùng cao huyện Hiệp Đức cải thiện năng suất lúa, tạo được niềm tin của cộng đồng và đã góp phần nhân rộng mô hình canh tác lúa nước cải tiến cho hơn 300 hộ ở 2 xã vùng cao nơi đây.

d) Vai trò của mô hình điển hình trong nhân rộng

Hộ gia đình, nhóm cộng đồng tiên phong trong các thử nghiệm, kết quả thành công ban đầu này trở thành các mô hình điển hình để nhân rộng kết quả.

Dự án cần sự chia sẻ của các mô hình điển hình để các hộ gia đình và các cộng đồng khác được biết tới, học hỏi và áp dụng thành quả đó. Ban/tổ/nhóm điều hành nên cùng với các hộ hay nhóm hộ xây dựng kế hoạch triển khai nhân rộng kết quả mô hình này.

e) Tiếp cận thông tin và học hỏi

Muốn nhân rộng kết quả, người dân phải có thông tin và biết học hỏi. Ban/Tổ/nhóm điều hành/Bạn có thể:

- Tổ chức cho những người quan tâm tham quan, học tập mô hình. Cần chú ý về thời gian, số lượng người tham quan. Cần xác định rõ họ là ai và nhu cầu thực sự của họ là gì. Cần tổ chức để người dân có thể trực tiếp được học hỏi từ người dân bằng các hoạt động cụ thể;



- Xây dựng học tập trong cộng đồng. Học tập của cộng đồng không chỉ là người ngoài mang kỹ thuật, thông tin đến cho họ, mà ngay trong cộng đồng, những người đã trực tiếp tham gia xây dựng và thực hiện các hoạt động của dự án, họ sẽ là những người tuyên truyền và chia sẻ thông tin cho những người khác một cách hữu hiệu;
- Khuyến khích những người trẻ, người năng động học hỏi, chia sẻ và phát triển ý tưởng trong cộng đồng.

😊 **Lưu ý:** Nhân rộng kết quả trong phát triển cộng đồng không phải là việc áp dụng một cách máy móc và rập khuôn mô hình thành công, mà đòi hỏi phải cải tiến và điều chỉnh để thích ứng cho mỗi hộ gia đình, mỗi cộng đồng nhằm mang lại hiệu quả tốt hơn.



2.2. Các hình thức nhân rộng mô hình phát triển cộng đồng

Có 2 hình thức nhân rộng các kết quả thành công của dự án phát triển cộng đồng như sau:

Cách 1: Nhân rộng theo chiều ngang - lan tỏa

Hình thức nhân rộng theo chiều ngang hay thường gọi là lan tỏa xảy ra khi kết quả dự án mang lại hiệu quả cụ thể ở các đối tượng được hưởng lợi, từ đó được các hộ gia đình khác làm theo mà không cần đến sự hỗ trợ của dự án hay các cấp quản lý.



Ví dụ: Từ hộ thí điểm trồng giống lúa mới đưa đến kết quả năng suất cao hơn, các hộ gia đình khác chủ động học hỏi kỹ thuật, tự mua giống để gieo trồng giống lúa mới đó trên đồng ruộng của mình mà không cần đến sự hỗ trợ của chương trình/dự án hay chỉ đạo của thôn, xã.

Từ một số hộ gia đình hay một số mô hình ban đầu, sau một thời gian các kết quả đã được người dân ghi nhận, họ tìm cách để áp dụng mô hình đó cho gia đình, hay cộng đồng của họ.

Các hình thức nhân rộng này là tự phát, từ một số hộ ban đầu lan rộng ra nhiều hộ khác, từ một cộng đồng ban đầu thành công phát triển sang nhiều cộng đồng khác cùng áp dụng kết quả thành công của chương trình/dự án.

 **Lưu ý:** Trong quá trình thực hiện, nên tạo điều kiện cho những người không phải là đối tượng hưởng lợi trực tiếp của dự án.

Người tham gia càng nhiều, tác động càng lớn

Cơ hội là dành cho tất cả, không lựa chọn, sàng lọc người tham gia là từ khóa chính để kích hoạt sự năng động của cộng đồng. Càng nhiều người được tham gia, đặc biệt là chị em phụ nữ, họ càng có cơ hội tiếp cận được kiến thức mới, mạnh dạn ứng dụng và thành công, đồng thời tạo sức lan tỏa đến các cộng đồng xung quanh.

Cách 2: Nhân rộng theo chiều dọc - tác động đến chính sách, chủ trương

Kết quả thành công trong một số dự án đã và đang mang lại hiệu quả, lợi ích thực sự cho người dân và cộng đồng. Từ những mô hình thành công ban đầu, lãnh đạo các cấp (địa phương hay trung ương) muốn nhân rộng ra trên một phạm vi rộng hơn. Phối kết hợp các bên liên quan trong mô hình phát triển cộng đồng, cơ quan quản lý tổ chức hội thảo để tuyên truyền và đánh giá các kết quả này. Và từ thực tiễn và kết quả thu được của các buổi hội thảo được kỳ vọng sẽ tác động đến việc ban hành các chính sách, chủ trương để nhân rộng các mô hình thành công này.

**Ví dụ:**

(1) Mô hình phát triển vườn - ao - chuồng (VAC) mang lại hiệu quả trong việc giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em ở một số xã miền núi. Chính quyền địa phương (huyện, tỉnh hay trung ương) kết hợp với các tổ chức liên quan đánh giá hiệu quả của chương trình, từ đó ra xây dựng các văn bản phát động phong trào xây dựng mô hình VAC để tăng cường dinh dưỡng cho trẻ em miền núi. Chương trình được triển khai với sự tham gia của nhiều cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm và sự phối hợp hiệu quả của các cơ quan liên quan. Nhờ đó, hiện nay, chương trình này đang được triển khai một cách hiệu quả tại nhiều địa phương trên toàn quốc.

(2) Dự án phát triển cộng đồng thu gom rác thải sinh hoạt đã được triển khai tại một xã của huyện A. Người dân địa phương đã đề xuất và thực hiện thành công việc phân loại rác tại nhà bằng việc đặt các thùng chứa rác khác nhau ở các thôn bản như: thùng đựng rác thải hữu cơ, thùng đựng rác thải nhựa tái sử dụng, thùng đựng các loại rác thải rắn khác. Ngoài ra, họ còn xây dựng các qui định rõ ràng về thời gian thu gom các loại rác, hình thức xử lý nếu vi phạm, v.v. Mô hình này đã làm cho môi trường chất thải trong xã sạch sẽ, tiện lợi và đẹp. Để nhân rộng kết quả thành công này, chính quyền huyện A đã tổ chức cho các cơ quan liên quan và các xã trong huyện thăm quan, đánh giá. Từ đó UBND huyện A ra qui định hướng dẫn tất cả các xã trong huyện học và làm theo mô hình đó. Kết quả là mô hình được nhân rộng ra tất cả các xã trong huyện.

**Lưu ý:**

- Việc nhân rộng theo hình thức đưa từ trên xuống dễ dẫn đến tình trạng phát triển theo “**phong trào**”;
- Chủ động mời gọi sự tham gia tích cực của người có quyền ra quyết định của các cơ quan liên quan.





CHƯƠNG IX

NHỮNG CÂU CHUYỆN VÀ BÀI HỌC TRONG PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG Ở CÁC ĐỊA PHƯƠNG

**Phát triển cộng đồng là một hành trình
chứ không phải là điểm đến**





CÂU CHUYỆN 1: XÂY DỰNG HỆ THỐNG CUNG CẤP NƯỚC SINH HOẠT VÀ LÀM NHÀ CỘNG ĐỒNG, NHÀ RÔNG Ở XÃ LỢP PANG VÀ XÃ KON THỤP, HUYỆN MANG YANG, TỈNH GIA LAI

Tây nguyên là nơi sinh sống của cộng đồng các dân tộc thiểu số và cũng là nơi đời sống của người dân gặp rất nhiều khó khăn. Trong nhiều năm qua, các Quỹ hỗ trợ phát triển (FDI) đã góp phần đáng kể vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất nâng cao đời sống của người dân ở đây. Nhưng điểm hạn chế là các chương trình hỗ trợ từ nguồn FDI thường do các tổ chức bên ngoài khảo sát, xây dựng và thực hiện nên người dân địa phương ít quan tâm và làm cho họ trở nên thụ động và phụ thuộc nhiều vào sự hỗ trợ từ bên ngoài.

Từ năm 2009 đến năm 2014, Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) đã hỗ trợ thực hiện dự án “Tăng cường năng lực phát triển nông nghiệp và nông thôn vùng Tây Nguyên” ở xã Lợ Pang và xã Kon Thụp, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai. Đây là một dự án hợp tác kỹ thuật có qui mô lớn của JICA với nhiều hoạt động đa dạng, được triển khai theo phương pháp tiếp cận mới – đó là phương pháp tiếp cận có sự tham gia của người dân, nghĩa là người dân địa phương được tham gia trong tất cả các bước của tiến trình thực hiện.

Câu chuyện sau đây tóm tắt tiến trình và các bước thực hiện của dự án do nhóm cán bộ của Viện Quy hoạch và Thiết Kế Nông nghiệp đánh giá. Tiến trình các bước cụ thể là:

Bước 1. Đánh giá thực trạng: Dự án đã tổ chức nhiều cuộc họp với người dân địa phương, khảo sát thực tế, trao đổi với nhiều đối tượng khác nhau trong cộng đồng để xác định các nội dung ưu tiên trong xây dựng cơ sở hạ tầng của cộng đồng ở đây là gì.

Bước 2. Lựa chọn hoạt động: Qua nhiều cuộc họp, thảo luận cộng đồng đi đến quyết định xây dựng: công trình nước sinh hoạt, nhà cộng đồng và nhà Rông.

Bước 3. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thi công: Dự án đã trao đổi với người dân về nguồn lực tài chính mà JICA hỗ trợ. Người dân



địa phương thống nhất nguồn hỗ trợ để thực hiện các hoạt động này. Một bản kế hoạch về địa điểm xây dựng, quy mô xây dựng, hạng mục và ngân sách, phân công vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và tiến độ thực hiện các hoạt động này. Sau khi hoàn thành bản kế hoạch, dự án đã được thi công với sự tham gia thực hiện, đóng góp và giám sát của người dân địa phương.

Bước 4. Khi công trình xây dựng hoàn thành, cộng đồng cùng nhau xây dựng các qui định và kế hoạch quản lý, sử dụng, duy tu và sửa chữa.

Nhờ vào sự tham gia tích cực của người dân địa phương, nên công trình đã được hoàn thành với niềm phấn khởi của mọi người. Các công trình được đưa ngay vào sử dụng.



Trong quá trình sử dụng họ đã điều chỉnh các nội dung, công việc cho phù hợp, mang lại hiệu quả cho người sử dụng và tính bền vững của công trình đã xây dựng.

Đoàn tổ chức đánh giá đã phỏng vấn 57 người dân địa phương trong đó có 50 nam và 7 nữ tại 15 thôn của 2 xã. Một số câu hỏi và ý kiến trả lời của người dân được liệt kê tóm tắt sau đây có thể tham khảo:

	Người phỏng vấn (NPV):	Người dân
Công trình nước	Trước đây anh, chị đi lấy nước để dùng cho sinh hoạt ở đâu?	Chúng tôi phải đi lấy nước xa lắm, khoảng 2-3 km
	Thế ai là người đi lấy nước?	Chúng tôi cùng đi để tắm luôn và cùng gửi nước về để dùng cho cả nhà
	Thời gian đi lấy nước cả đi lẫn về có lâu không?	Cũng chừng vài tiếng đó, vì đi khá xa, phụ nữ phải gửi nước về khá nặng



	Hiện dự án đã xây công trình cấp nước gần nhà mình rồi, anh chị có dùng nước công trình này không?	Có chứ, tôi thích lắm, tôi không phải gửi nước nữa
	Chị có thường xuyên dùng nước này để nấu ăn không?	Có chứ, nhưng về mùa mưa nước hơi đục, để tắm giặt thì tốt hơn
	Trước kia đi lấy nước mất 2-3 tiếng, bây giờ nước gần nhà rồi, chị sẽ có nhiều thời gian rỗi hơn, vậy chị làm gì trong thời gian rỗi rảnh	Do rảnh hơn, tôi đi làm thuê kiếm thêm thu nhập, chăm sóc con cái, trồng cây tiêu, làm việc nhà nhiều hơn
	Khi công trình cấp nước bị hỏng thì ai sửa? Kinh phí này được lấy từ đâu? Đấy là sửa chữa nhỏ, còn sửa chữa lớn lấy từ đâu	Trưởng thôn và 1 cán bộ kỹ thuật, cả hai được hỗ trợ VND150.000/tháng để sửa chữa và duy trì cấp nước cho công trình Quĩ trồng mỳ (sắn) của thôn Kêu gọi người dân đóng góp (VND 50.000/năm)
Nhà cộng đồng	Trước kia dự án chưa xây nhà cộng đồng, khi có cuộc họp thôn, các cuộc họp tổ chức ở đâu?	Tại nhà trưởng thôn
	Hiện nay đã có nhà cộng đồng, thôn mình thường tổ chức hội họp ở đó phải không?	Vâng, thậm chí Đoàn thanh niên còn tổ chức dạy múa hát tập thể, chúng tôi vui lắm.
	Nhà cộng đồng chỉ dành cho các cuộc họp thôi à?	Không, đôi khi có các tổ chức đến thuê tập huấn, chúng tôi có thêm thu nhập để sửa sang phòng họp
	Vậy kinh phí đó do ai giữ tiền và chi tiêu cho hoạt động gì?	Hội phụ nữ thôn quản lý và chi tiêu cho các hoạt động cộng đồng
Nhà Rông	Dự án đã xây dựng nhà Rông cho xã mình, anh chị có hài lòng không?	Có tôi vui lắm chứ, nhiều hoạt động văn hóa diễn ra ở đây
	Các hoạt động lễ hội truyền thống có diễn ra tại đây không?	Có chứ để nâng cao đời sống tinh thần cho người dân





CÂU CHUYỆN 2: PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG TỪ HAI BÀN TAY TRẮNG TẠI VÙNG LÒNG HỒ THỦY ĐIỆN SƠN LA

Câu chuyện khởi nghiệp từ 0 đồng của chàng thanh niên dân tộc Thái Đen Là Văn Phong là một minh chứng sinh động cho việc tiên phong phát triển du lịch dựa vào cộng đồng, phát huy và sử dụng những tài nguyên sẵn có tại địa phương và tri thức bản địa, thúc đẩy các hình thức tổ chức sản xuất của người dân địa phương, đã góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội của huyện Quỳnh Nhai, thu hút đông đảo du khách và các nhà đầu tư đến kinh doanh tại vùng lòng hồ Thủy điện Sơn La.

Công trình thủy điện Sơn La được khánh thành tháng 12 năm 2012, đã hình thành một vùng lòng hồ rộng lớn, tạo nên một bức tranh sơn thủy hữu tình, chiều dài 175 km tính từ đập thủy điện tại Mường La - Sơn La đến Mường Lay - Điện Biên. Tại địa phận tỉnh Sơn La, bắt đầu từ bản Pênh - thượng lưu đập thủy điện Sơn La thuộc địa phận xã Ít Ong, huyện Mường La đến hết huyện Quỳnh Nhai có chiều dài 88,5 km đi qua địa phận 15 xã và 3 huyện (Mường La, Thuận Châu, Quỳnh Nhai). Tất cả tạo nên vẻ đẹp sông núi nước non hùng vĩ được ví như một "Hạ Long trên núi". Ven hồ còn có những hang động, suối nước nóng khá hấp dẫn: hang Co Noong, suối nước nóng (Mường La); suối nước nóng bản Bon Mường Chiên (Quỳnh Nhai). Cư dân vùng lòng hồ thủy điện Sơn La chủ yếu là người Thái (Thái Trắng và Thái Đen), các bản làng ven hồ vẫn giữ nguyên được nét văn hóa truyền thống dân tộc. Ở đó chứa đựng cả di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể.

Nhìn thấy tiềm năng du lịch như vậy, đã có nhiều người ở Quỳnh Nhai muốn làm du lịch nhưng không biết bắt đầu từ đâu. Năm 2016, trong một lần tình cờ gặp các thầy cô của Trường Đại học Tây Bắc đang đi khảo sát cho đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh về phát triển du lịch bền vững vùng lòng hồ, Phong đã tâm sự về ý định làm du lịch nhưng không có vốn đầu tư. Thầy cô đã mời Phong cùng tham gia đề tài ngay từ khâu khảo sát ban đầu để



giúp Phong hiểu về cách phát triển cộng đồng và tư vấn hướng cho Phong suy nghĩ sáng tạo bắt đầu từ những gì mình và địa phương sẵn có, cộng với mối quan hệ thân thiết tại địa phương. Sau 3 tháng đồng hành cùng thầy cô trong việc khảo sát thực địa, tìm hiểu mong muốn của người dân và các bên có liên quan, xác định những tài nguyên và nguồn lực có giá trị phát triển du lịch, Phong đã dần nâng cao năng lực làm việc với cộng đồng, lan truyền niềm tự hào và nguồn tài nguyên sẵn có tại địa phương với những người bạn. Phong và nhóm bạn bắt đầu từ việc lập fanpage trên facebook, chụp ảnh viết bài chia sẻ quảng bá về vẻ đẹp vùng lòng hồ, nhận thực hiện chương trình tour tham quan, phục vụ ăn uống trên thuyền và trên các đảo. Không có vốn để đóng thuyền, Phong thuê thuyền của người dân, đặt các món ăn ẩm thực dân tộc tại các quán người quen để đưa lên thuyền phục vụ du khách, tự mình làm hướng dẫn viên giới thiệu về cảnh đẹp, văn hoá, lịch sử quê nhà. Sau chuyến đi, Phong mới dùng tiền của khách du lịch trả tiền cho chủ thuyền, chủ quán ăn dân tộc. Cách làm sáng tạo và mạnh dạn này để giải quyết tư duy không có tiền thì sẽ không làm được kinh doanh.



Nhằm đáp ứng nhu cầu của khách du lịch, Phong đã đặt vấn đề liên kết với các chủ thuyền, các hộ nuôi cá lồng lòng hồ, các hộ nuôi gà, trồng rau cung cấp thực phẩm cho tổ nấu ăn, cùng cùng



cấp các dịch vụ nhỏ. Chọn những hộ có nhiều lồng cá và rộng rãi để khách đến thăm quan và mua cá về. Người dân tiêu thụ được sản phẩm nông nghiệp, thủy sản mà không phải lo khâu đầu ra nên rất phấn khởi và cảm ơn Phong. Năm 2017 nhóm đã thành lập HTX du lịch sinh thái Quỳnh Nhai (nay thương hiệu là Quỳnh Nhai Travel), phát triển thêm sản phẩm cá tép dầu sấy khô sông Đà, tạo việc làm cho 10 lao động thường xuyên, đồng thời mở ra hướng sản xuất mới cho người dân Quỳnh Nhai đánh bắt những loại cá nhỏ và phơi sấy để bán cho khách du lịch. Sau một thời gian tích lũy, đến năm 2018, Quỳnh Nhai Travel đã đóng mới 2 thuyền 2 tầng, có quy mô trở đến 40 khách du lịch/thuyền, thị phần du lịch chiếm khoảng 85% du khách du lịch lòng hồ, năm 2019 nhóm của Phong đã đầu tư xây dựng và khai thác Vịnh Uy Phong gồm nhà nghỉ ngơi ẩm thực, các trò chơi, thể thao trên nước, bơi thuyền. Quỳnh Nhai travel cũng đang liên kết với người dân địa phương khai thác 5 đảo vệ tinh gần Vịnh Uy phong chăn nuôi, trồng rau, nuôi cá lồng để cung cấp thực phẩm phục vụ khách du lịch và để khách mua về. Trong suốt quá trình phát triển, Phong và nhóm bạn luôn giữ mối quan hệ mật thiết gắn kết với người dân, tranh thủ sự tư vấn của các nhà khoa học, xây dựng mối quan hệ với cơ quan quản lý Nhà nước và các doanh nghiệp khác phát triển mô hình du lịch sinh thái cộng đồng theo định hướng bền vững về kinh tế, môi trường, văn hoá xã hội.

Như vậy, câu chuyện phát triển du lịch sinh thái dựa vào người dân cộng đồng phát huy được một cách hiệu quả nguồn tài nguyên của địa phương và tri thức bản địa, giúp chàng trai Là Văn Phong khởi nghiệp thành công, đồng thời có tác dụng lan toả, mang lại lợi ích cho cộng đồng, thúc đẩy phát triển các hình thức sản xuất thủy sản - nông nghiệp, làm dịch vụ của người dân, từ đó góp phần tạo ra sinh kế bền vững cho người dân vùng lòng hồ thủy điện Sơn La.





CÂU CHUYỆN 3: CẢI THIỆN SINH KẾ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG TẠI BẢN PHỤ MẪU, XÃ CHIỀNG YÊN, HUYỆN VÂN HỒ, TỈNH SƠN LA

Bản Phụ Mẫu nằm ở trung tâm xã Chiềng Yên, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La. Từ bản có 2 tuyến đường kết nối với bên ngoài, tuyến đi theo hướng Tây - Nam, qua bản Nà Bai khoảng 12 km ra Quốc lộ 6, khu “rừng già”, giáp ranh giữa tỉnh Sơn La và Hòa Bình; tuyến đi ra Quốc lộ 6 thuộc ngã ba Đồng Bàng, Mai Châu, Hòa Bình khoảng 20 km. Nơi đây là cộng đồng các dân tộc thiểu số với 197 hộ gia đình, 830 nhân khẩu, trong đó người Thái chủ yếu (chiếm 90%), người Dao (2,9%), người Mường (2,9%) với nét văn hóa truyền thống phong phú của các dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc và sinh kế dựa vào sản xuất nông nghiệp lâu đời. Thiên nhiên phong phú với khu rừng nguyên sinh khoảng 1.317 ha, thác nước Tạt Nàng (được xếp hạng di tích danh lam thắng cảnh cấp tỉnh năm 2016), suối nước nóng và nhiều hang động có tiềm năng cho khai thác các hoạt động du lịch.



Với cảnh đẹp của tự nhiên và đời sống văn hóa bản sắc dân tộc nên bản Phụ Mẫu đã bắt đầu làm du lịch cộng đồng từ những năm 2000 theo hình thức tự phát, cho đối tượng bấy giờ chủ yếu là khách nước ngoài đi theo tuyến Mai Châu – bản Phụ Mẫu – bản Nà Bai – hang KIA Pa Cò. Lưu trú qua đêm hầu như không có,



khách chủ yếu đi qua, ngắm cảnh thác Tạt Nàng, tắm suối nước nóng, khám phá hang động rồi trở về.

Năm 2016 bản Phụ Mẫu thành lập Ban quản lý phát triển du lịch gồm 5 thành viên đại diện cho các tổ chức đoàn, hội trong bản, trong đó Bí thư, kiêm Trưởng bản là trưởng ban, ngoài ra còn có đại diện Hội cựu Chiến binh; Hội phụ nữ; Đoàn thanh niên bản và Ban an ninh bản. Đến nay, các thành viên trong Ban quản lý hoạt động trên tinh thần tự nguyện chưa thu bất kỳ một khoản quỹ nào từ hoạt động kinh doanh du lịch. Đoàn thanh niên, hội phụ nữ bản thành lập tổ văn nghệ, thường xuyên luyện tập để phục vụ khách du lịch và dự thi cấp huyện, bản phát động người dân bảo vệ môi trường, không chặt phá rừng.

Năm 2018, Trường Đại học Tây Bắc kết hợp cùng Công ty Cổ phần hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp (WISE) khảo sát, tư vấn hỗ trợ cho người dân địa phương phát triển du lịch cộng đồng trên cơ sở phát huy những thế mạnh về tài nguyên tự nhiên sẵn có; phục hồi, phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp gắn với du lịch cộng đồng. Ban đầu 7 hộ đăng ký tham gia làm nhà nghỉ (homestay), các hộ sửa, dọn nhà cửa, công trình vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn tối thiểu đón khách. Đoàn thanh niên bản tham gia phát dọn, bắc cầu làm lại đường vào thác Tạt Nàng, nạo vét, sửa chữa suối khoáng nóng phục vụ khách du lịch đến thăm và trải nghiệm. Hội phụ nữ bản tham gia dọn dẹp vệ sinh đường thôn bản, trồng hoa ven đường. Một số hộ không tham gia trực tiếp vào hoạt động kinh doanh du lịch cộng đồng nhưng có tham gia vào chuỗi cung ứng sản phẩm như làm rượu nước, nấu rượu bằng cây gỗ Páng, hái măng, chè. Một số gia đình có điều kiện phục hồi nghề dệt thổ cẩm (làm vải, túi đựng đồ). Kế hoạch đã được người dân đồng tình, xây dựng.

Hầu hết người dân trong bản đều có mối quan hệ họ hàng huyết thống, trưởng bản giữ vai trò đầu mối và thể hiện tiếng nói của người dân đến cấp xã, đồng thời trưởng bản cũng tham gia vào ban quản lý phát triển du lịch bản.



Từ đó khách du lịch tới bản Phụ Mẫu có thể nghỉ lại nhà dân, tham quan thác nước Tạt Nàng, tắm mớ nước nóng, trải nghiệm cuộc sống sinh hoạt của người dân địa phương, đi bộ tham quan làng bản, thưởng thức những món ăn truyền thống của người Thái, trực tiếp tham gia sản xuất và tiêu thụ sản phẩm địa phương.

Đến cuối năm 2019, ngoài đối tác là Trường Đại học Tây Bắc và WISE, đã có thêm 2 tổ chức là Công ty cổ phần Du lịch và Đào tạo (V.E.O: Volunteer for Education Organization) và Tổ chức hành động vì người nghèo tại Việt Nam (AOP: Action on Poverty) tham gia vào thị trường hỗ trợ cho người dân địa phương xây dựng hoàn thiện mô hình du lịch cộng đồng, phát huy thế mạnh nguồn lực của địa phương trong phát triển du lịch cộng đồng gắn với thế mạnh về nông – lâm sản và các sản phẩm bản địa.

Hoạt động du lịch cộng đồng đã có những tác động nhất định đến cuộc sống của người dân địa phương ở bản Phụ Mẫu. Các hộ kinh doanh nhà nghỉ có ý thức hơn trong giữ gìn vệ sinh nhà cửa, năng động hơn trong giao tiếp, còn các hộ dân xung quanh cũng có ý thức hơn trong giữ gìn vệ sinh thôn bản, biết cách liên kết với nhau tạo thành chuỗi cung ứng các sản phẩm bản địa phục vụ cho khách du lịch, tạo thêm thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.





Bên cạnh đó, việc phát triển sản xuất các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thổ cẩm của địa phương cũng được quan tâm, phục hồi và duy trì. Các giá trị văn hóa, phong tục tập quán truyền thống bản địa cũng dần được quan tâm khôi phục và bảo tồn. Người dân có ý thức hơn trong giữ gìn bảo vệ các tài nguyên tự nhiên sẵn có của bản làng như rừng nguyên sinh, thác nước, hang động.

Việc khôi phục những giá trị văn hóa truyền thống vẫn còn gặp nhiều khó khăn như kiến trúc nhà truyền thống không còn nguyên vẹn, các trang phục dân tộc và một số trò chơi dân gian, lễ hội, ngành nghề thủ công truyền thống cũng đã và đang bị mai một và mất đi nhiều. Số lượng khách du lịch đã có, tuy nhiên chưa nhiều và thường xuyên nên việc sản xuất các sản phẩm địa phương phục vụ cho du lịch còn bị động, không được ổn định, do vậy người dân chưa thực sự quan tâm và tập trung chuyên sâu vào kinh doanh du lịch. Quy hoạch các khu vui chơi giải trí còn hạn chế do thiếu các điều kiện nguồn lực cần thiết như vốn, quy hoạch tổng thể. Để đời sống người dân được phát triển ổn định, kết hợp sản xuất nông nghiệp và du lịch cộng đồng, bản Phụ Mẫu cần có sự hỗ trợ, giúp đỡ của các đơn vị doanh nghiệp, tổ chức chuyên nghiệp hơn để giúp cộng đồng ở đây phát triển tốt hơn tiềm năng của họ.





CÂU CHUYỆN 4: MÔ HÌNH TỔ HỢP TÁC CHĂN NUÔI BÒ SINH SẢN CHO PHỤ NỮ NGHÈO TẠI XÃ TAM THANH, HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA

Xã Tam Thanh, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá là xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 của Chính phủ. Đây là xã miền núi có 18 km đường biên giới với nước Lào, tổng diện tích tự nhiên trên 9.935,73 ha, trong đó, đất lâm nghiệp là 7.994,73 ha, đất nông nghiệp 216,69 ha. Toàn xã có 9 bản, tổng số hộ 798 hộ, 3.822 khẩu, có 3 dân tộc là Thái, Mường và Kinh cùng sinh sống, trong đó dân tộc Thái chiếm chủ yếu 90%. Năm 2017 hộ nghèo trong toàn xã là 262 hộ (chiếm 34 %), cận nghèo 100 hộ (chiếm 12,6%). Trong đó, hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ là 16 hộ, hộ cận nghèo do phụ nữ làm chủ hộ là 2 hộ. Nguồn thu nhập chủ yếu của người dân địa phương là từ sản xuất nông, lâm nghiệp.

Trong những năm qua, chăn nuôi trâu, bò có vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế ở địa phương. Mặc dù vậy, số lượng trâu, bò chăn nuôi không nhiều là do người dân thiếu vốn đầu tư mua con giống nên hầu như các hộ gia đình, đặc biệt là hộ nghèo không chăn nuôi bò được. Bên cạnh đó, người dân thiếu kiến thức về kỹ thuật chăn nuôi bò. Việc mua, lựa chọn con giống chủ yếu do hộ gia đình dựa vào kinh nghiệm chăn nuôi truyền thống nên nhiều con giống không đảm bảo chất lượng, hơn nữa, công tác phòng dịch hạn chế nên bò thường bị chết do dịch bệnh. Giống bò chủ yếu là giống bò cóc, bò địa phương, tầm vóc nhỏ, sản lượng thịt thấp, do vậy, hiệu quả trong chăn nuôi chưa cao.



Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh Thanh Hoá đã lựa chọn xã Tam Thanh để triển khai, thực hiện dự án "Xây dựng mô hình Tổ hợp tác chăn nuôi bò sinh sản cho phụ nữ nghèo tại Xã Tam Thanh, Huyện Quan Sơn". Dự án đã làm



thay đổi phương thức chăn nuôi nhỏ, lẻ, dựa vào kinh nghiệm, phong tục tập quán chăn nuôi thả rông, không chuồng trại, sang phương thức chăn nuôi chăn dắt có chuồng trại quy mô lớn, theo quy trình chăn nuôi khoa học chặt chẽ.

Để có được kết quả này, dự án đã tổ chức nhiều cuộc vận động, tuyên truyền đến các đối tượng tham gia, thành lập tổ hợp tác theo Nghị định 151 của Chính phủ, nay là Nghị định 77, tập huấn kỹ thuật chăn nuôi kết hợp kỹ thuật phòng bệnh. Cán bộ Hội phụ nữ xã hướng dẫn lập kế hoạch kinh doanh theo nhóm, kinh tế hộ, tiết kiệm và đã hỗ trợ vay vốn ban đầu mua 20 con bò cái sinh sản, chất lượng giống tốt, từ 12 - 36 tháng và có cân nặng từ 120 kg/con trở lên. Bò giống thích nghi với điều kiện chăn thả ở vùng miền núi Thanh Hóa. Trong quá trình thực hiện Hội phụ nữ xã đã thường xuyên đến từng hộ gia đình kiểm tra, nắm bắt thông tin. Sau 3 năm, dự án đã giúp cho phụ nữ nghèo có cơ hội được áp dụng kiến thức khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi bò và đã giúp 100% thành viên đều thoát nghèo, thoát cận nghèo bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống cho mỗi gia đình hội viên, phụ nữ. Nguyên nhân là do sự cần cù, chăm chỉ, chịu khó trong lao động của những hộ phụ nữ nghèo kết hợp với sự quan tâm của Hội phụ nữ xã. Các hộ gia đình liên kết với nhau thành nhóm để cùng mua vật tư, con giống, hỗ trợ kỹ thuật chăn nuôi, kỹ thuật sản xuất thức ăn, xây dựng chuồng trại. Định kỳ sinh hoạt nhóm hàng tháng để được hướng dẫn kỹ thuật, trao đổi kinh nghiệm trong chăn nuôi để giúp đàn bò phát triển tốt hơn. Các hộ gia đình sau khi có thu nhập từ nuôi bò đã trả lại số tiền hỗ trợ ban đầu để Hội chuyển giao cho các hộ gia đình phụ nữ khó khăn khác.

Đến nay, tại xã Tam Thanh có 54 thành viên tham gia vào 2 tổ hợp tác chăn nuôi bò sinh sản với số lượng đàn bò lên đến 101 con. Với nguồn tiền được hỗ trợ ban đầu 290 triệu đồng, Hội phụ nữ xã đã xây dựng quy chế quản lý, theo dõi số đàn bò phát triển mới từ các tổ hợp tác đến cho Hội phụ nữ xã biết và quản lý.



CÂU CHUYỆN 5: ĐIỂN HÌNH TRONG DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN TIỀM LỰC NÔNG THÔN DỰA TRÊN SỰ CHỦ ĐỘNG CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở HUYỆN NAM GIANG, TỈNH QUẢNG NAM

Giới thiệu về huyện Nam Giang và Dự án

Nam Giang là một huyện miền núi nằm về phía tây tỉnh Quảng Nam và giáp Lào. Đồng bào dân tộc thiểu số chiếm hơn 80% dân số toàn huyện, chủ yếu là người Cơ Tu, người Ve và Tà Riềng thuộc nhóm dân tộc Giẻ Triêng.

“Dự án Hỗ trợ Phát triển tiềm lực nông thôn với sự chủ động của cộng đồng bà con dân tộc thiểu số ở huyện Nam Giang” (Dự án PTNT) được triển khai từ tháng 7 năm 2016 với sự hợp tác của UBND tỉnh Quảng Nam, Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA), UBND huyện Nam Giang và Tổ chức Cứu trợ/Phát triển Nhật Bản (FIDR) trong khuôn khổ Chương trình đối tác phát triển của JICA. Mục tiêu của dự án là thúc đẩy phát triển nông thôn một cách toàn diện thông qua việc tăng cường tính chủ động của cộng đồng trong phát triển các nguồn lực địa phương, kích hoạt phát triển vùng và kết nối thị trường.

Kiểu mẫu “Chủ động – Khám phá – Tối ưu hóa (IDM)”





Cách tiếp cận và phương pháp thực hiện chính

FIDR đã xây dựng và áp dụng phương thức tiếp cận kiểu mẫu “Chủ động – Khám phá – Tối ưu hóa nguồn lực địa phương (IDM)” để thúc đẩy “SỰ THAM GIA” và “Chủ động – Khám phá – Tối ưu hóa (IDM)” kho báu địa phương. Tiến trình triển khai kiểu mẫu IDM được thực hiện như sơ đồ trong **trang 128**.

Nhằm hiện thực hóa cách tiếp cận trên, phương pháp chính được áp dụng trong Dự án này là “Săn tìm Kho báu”. Sự khác biệt của phương pháp này là tập trung vào khám phá “Kho báu địa phương” hơn là “những gì địa phương có” hay “kho báu từ bên ngoài”, bởi vì:

- Tìm được kho báu, tìm được Sự độc đáo. Nếu chỉ tìm kiếm cộng đồng có những gì, thì đó chỉ là những sản phẩm bình thường.
- Tìm được kho báu, tìm được người sẵn sàng mài dũa nó. Một khi người dân tìm và xem đó là kho báu của mình, họ sẽ mong muốn “làm bóng” để nó thực sự tỏa sáng.

Các sản phẩm được tạo ra từ kho báu của cộng đồng có hai hình thức: sản phẩm phi vật thể như du lịch, biểu diễn các điệu hát múa truyền thống; và sản phẩm vật thể như nông sản, lâm sản ngoài gỗ, v.v. Chúng tôi xin giới thiệu kinh nghiệm phát triển hai hình thức sản phẩm dựa trên tiềm lực địa phương như sau:

A: Phát triển du lịch dựa vào cộng đồng (DLĐVCĐ)

Có rất nhiều điểm du lịch cộng đồng, du lịch dựa vào cộng đồng ở Việt Nam. Tuy nhiên, hầu hết các điểm du lịch dựa vào cộng đồng đều được kiểm soát bởi người ngoài hoặc các công ty du lịch. Những điểm du lịch cộng đồng hoạt động độc lập rất ít. Du lịch dựa vào cộng đồng Cộtu - Nam Giang là điểm du lịch được chính cộng đồng địa phương quản lý, vận hành và có mối quan hệ đối tác bình đẳng với các công ty du lịch. Họ có đơn vị điều hành tour của hợp tác xã và được vận hành với sự hỗ trợ đặc lực từ Ban quản trị hợp tác xã và các nhóm du lịch cộng đồng.



Trong khi ở một số nơi, tiêu chí thu nhập được đặt lên hàng đầu trong việc phát triển du lịch thì cộng đồng bà con ở Nam Giang phát triển du lịch để tăng cường tính cộng đồng, tính đoàn kết. Vì vậy, cộng đồng đã lựa chọn phát triển du lịch dựa vào cộng đồng - loại hình du lịch có thể giúp cộng đồng trở nên mạnh mẽ hơn và năng động hơn. Và, du lịch sẽ như mong ước của cộng đồng là hoạt động mang niềm hạnh phúc bền lâu cho cả du khách và cộng đồng.

Phát triển du lịch dịch vụ cộng đồng là một hành trình đầy thử thách nhưng rất quý báu đối với cộng đồng địa phương. Hãy tìm hiểu chúng tôi đã áp dụng phương pháp có sự tham gia của cộng đồng như thế nào trong một số bước cơ bản của việc xây dựng du lịch ở đây nhé.

Hành trình xây dựng điểm du lịch dựa vào cộng đồng Cơ Tu - Nam Giang

Bước 1: Thành lập Đơn vị đầu mối và hệ thống phát triển dịch vụ

Một trong yếu tố chính quyết định sự thành công của du lịch Cơ Tu - Nam Giang là Đơn vị điều hành tour. Điều hành tour là đầu mối kết nối khách hàng và cộng đồng, là kênh liên lạc giúp khách hàng dễ tiếp cận và tìm đến tour. Chức năng của điều hành tour là phát triển chương trình du lịch, nhận và điều phối tour cũng như phụ trách kế toán.

Bên cạnh đó, các nhóm du lịch cộng đồng được hình thành ở các thôn trên toàn xã để cung cấp các dịch vụ trong chương trình tour và các hoạt động du lịch liên quan khác như nhóm múa, nhóm ẩm thực truyền thống, nhóm dệt thổ cẩm, nhóm thuyết minh viên địa phương, v.v.

Vì vậy, để xây dựng các đầu mối này, người dân đã thảo luận và bầu đại diện cho đơn vị đầu mối của cộng đồng (Đơn vị điều hành tour) cũng như chọn trưởng nhóm (ban đầu là tạm thời, sau thời gian hoạt động, trưởng nhóm chính thức sẽ "lộ diện" và sẽ được bầu chọn lại).



Câu chuyện về quản lý nhóm

Quản lý nhóm là một vấn đề rất thách thức. HTX Du lịch DVCD Cốtú – Nam Giang đã rơi vào tình huống khó xử khi trưởng nhóm một đội múa đã sử dụng tiền chi trả cho nhóm vào mục đích cá nhân và phản hồi với nhóm rằng HTX chưa trả tiền. Mặc dầu sau này trưởng nhóm đã trả lại tiền cho đội múa nhưng nhóm đã tan rã vì mất lòng tin. Với bài học rút ra từ nhóm múa, giải pháp đã được thảo luận và tìm ra. Kết quả là, tất cả các nhóm đã lập tài khoản nhóm tại ngân hàng với chữ ký của hai thành viên mà nhóm tin tưởng nhất. Chỉ khi có đủ hai chữ ký thì số tiền mới được rút về chi cho nhóm. Kể từ đó, tất cả giao dịch tài chính của HTX và nhóm đều được chuyển khoản. Việc này cũng đem lại một số lợi ích như tăng tài sản cho nhóm (một số nhóm để đến cuối năm mới rút), tăng tính minh bạch về tài chính giữa HTX và các nhóm.

Bước 2: Xây dựng quy định du lịch

Xây dựng quy định/ quy tắc để tạo môi trường du lịch thoải mái, dễ chịu cho cả du khách và người dân địa phương. Quy định du lịch sẽ "Tối đa hóa lợi ích" và "Hạn chế tác động tiêu cực" của việc phát triển du lịch. Vì vậy, dự án đã xây dựng quy tắc/ quy định du lịch cùng với người dân và các đối tác dự án thông qua các cuộc họp, thảo luận về các quy định, cam kết cần có từ người dân, cộng đồng, chính quyền và du khách. Kết quả là một Bộ Quy định du lịch được tổng hợp và xây dựng với sự đồng thuận của tất cả các bên.

Bước 3: Phát triển sản phẩm du lịch

Trước khi phát triển sản phẩm du lịch, dự án đã cùng thảo luận và quyết định thị trường khách mà cộng đồng mong muốn. Đối với thị trường nước ngoài, chúng tôi nhắm đến các thị trường là thế mạnh của chúng tôi trong việc quảng bá, xúc tiến, xây dựng mối quan hệ.



Sau đó, dựa trên các kho báu đã tái khám phá, người dân đã tận dụng kho báu của mình để phát triển thành sản phẩm du lịch, điều chỉnh, mài dũa nó để đáp ứng nhu cầu của thị trường mục tiêu. Khi phát triển kho báu cần chú ý: Đơn giản để người dân dễ làm, Quy mô nhỏ để giảm rủi ro, và Rẻ để ai cũng có thể tham gia bất cứ khi nào, bất cứ đâu.

Bước 4: Tổ chức các tour thử nghiệm

Các tour thử nghiệm là cơ hội thực hành quý giá cho điều hành tour và cộng đồng học hỏi nên làm gì và làm như thế nào. Vì vậy, ngay từ năm đầu tiên, dự án đã bắt đầu bán tour thử nghiệm cho các cơ quan nhà nước, trường học, v.v. Nhờ vào các tour thử nghiệm mà các sản phẩm du lịch ngày càng được cải thiện phù hợp với nhu cầu thị trường và kỹ năng của các nhóm cũng được nâng cao.

Các điểm cần ghi nhớ:

- Cho dù điểm du lịch chưa thật sự hoàn hảo, bạn cũng có thể bắt đầu bán tour để cộng đồng được học và cải thiện cũng như để tạo nguồn vốn ban đầu.
- Lòng mến khách và nụ cười của người dân địa phương sẽ là hình ảnh khó quên đối với du khách.



- Khi quảng bá, xúc tiến điểm đến, cần tìm đối tác kinh doanh đáng tin cậy và có tâm huyết. Những người này sẽ là đối tác tuyệt vời, và sẽ hỗ trợ bán tour của bạn với tinh thần tôn trọng giá trị điểm đến.
- Du lịch dựa vào cộng đồng cần phải thực hiện bởi người dân, vì vậy, các dự án đặc biệt chú ý không chi trả bất cứ chi phí cho người dân tham gia chẳng hạn tiền đi lại, công tác phí, v.v. nhằm xây dựng nền tảng “Tính làm chủ” và “Tính bền vững” sau này.
- Du lịch dựa vào cộng đồng là một phương tiện để cộng đồng tăng cường tính đoàn kết, vì vậy, mục đích để có thêm nhiều thu nhập không nên được xếp là một trong những ưu tiên chính của Du lịch dựa vào cộng đồng.
- Tập trung vào “điểm mạnh” và “ước mơ của người dân” để kích hoạt sự chủ động của cộng đồng.
- Số lượng khách không thực sự quan trọng. Quan trọng là tìm kiếm được du khách hạt nhân, người sẽ trở thành fan của cộng đồng, là khách hàng thường xuyên và giới thiệu đến với người khác.
- Cuối cùng, chúng ta - những người làm công tác phát triển - cần xác định đúng vị thế của mình. Từ khóa của du lịch dựa vào cộng đồng là “Tính làm chủ”, “Chủ động - Khám phá - Tối ưu hóa”. Vì chúng ta là người ngoài, không hiểu rõ về cộng đồng và không làm thế cho cộng đồng. Vì vậy, cần hỏi và lắng nghe ý kiến của người dân khi thiết kế, xây dựng Du lịch DVCD.

B: Phát triển sản vật địa phương

Thông thường, người dân có nhiều món gọi là “sản phẩm” địa phương. Họ bán trực tiếp ra thị trường những gì họ có theo cách tiếp cận Định hướng sản phẩm (bán những gì mình có). Nhiều nơi đã thất bại! Dần dần, mọi người nhận ra rằng chỉ bán những gì mình có thôi thì chưa đủ, không hiệu quả và bắt đầu thay đổi cách bán hàng.

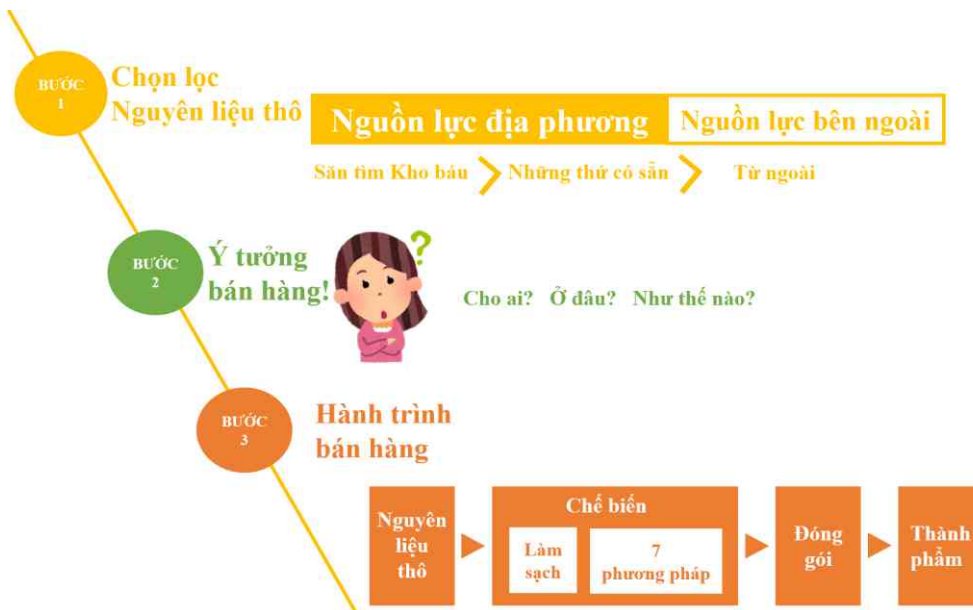


Ngày nay, nhiều người có thể đã biết đến khái niệm Định hướng thị trường (bán những gì thị trường cần). Cần nghiên cứu xu hướng thị trường trước, sau đó mới sản xuất những sản phẩm mà khách hàng mong muốn. Cách tiếp cận này khá hiệu quả.

Tuy nhiên, sẽ không thực sự dễ dàng để nghiên cứu thị trường bởi những hạn chế về phương pháp, điều kiện tiếp cận internet. Vì thế, đôi khi, hoặc hầu hết chúng ta cũng không dễ dàng gì khi chọn cách tiếp cận ĐỊNH HƯỚNG THỊ TRƯỜNG.

Dựa vào kinh nghiệm thực tiễn, chúng tôi mong muốn giới thiệu một cách làm giữa việc bán những gì mình có và bán những gì thị trường cần cho những cộng đồng địa phương có điều kiện tương đồng với người dân ở huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam. Đó là khu vực miền núi, và người dân địa phương có rất nhiều kho báu muốn giới thiệu ra thế giới bên ngoài với tinh thần tự hào. Hãy cùng xem chúng tôi đã vận dụng nguồn lực địa phương như thế nào để mang những sản phẩm này đến gần hơn với Định hướng thị trường, bằng cách tiếp cận Có sự tham gia của cộng đồng.

Hành trình Phát triển sản phẩm và bán hàng





Bước 1: Chọn lọc sản phẩm thô (Đề xuất thực hiện Săn tìm Kho báu)

Thông thường, hầu như người dân ở mọi nơi đều tìm kiếm những gì “sẵn có” để làm ra sản phẩm. Trong dự án PTNT, người dân chọn “KHO BÁU” để làm nên những sản phẩm có giá trị. Để tìm hiểu chi tiết về kho báu, bạn có thể tham khảo tài liệu “Săn tìm Kho báu” của Tổ chức FIDR.

Thứ tự ưu tiên để phát triển sản phẩm là: 1) kho báu của bạn; 2) những gì bạn và cộng đồng sẵn có; 3) bên ngoài cộng đồng (ví dụ như mua/lấy từ địa phương khác).

Bước 2: Tưởng tượng về việc chúng ta sẽ bán sản phẩm như thế nào. Trước khi phát triển sản phẩm, cộng đồng cần trả lời các câu hỏi sau:

- Chúng ta muốn bán cái gì? (kho báu, hay hàng hóa thông thường, v.v.)
- Chúng ta muốn bán ở đâu? (trong địa phương mình, hay ở các tỉnh/thành phố khác, v.v.)
- Khi nào thì chúng ta bắt đầu hành động? (ngay bây giờ, hay 6 tháng sau, v.v.)
- Tại sao chúng ta chọn kho báu này để giới thiệu? (cảm thấy tự hào, số lượng nhiều, v.v.)
- Chúng ta muốn bán cho ai? (độ tuổi, giới tính, người Việt Nam hay người nước ngoài.)
- Chúng ta sẽ bán sản phẩm bằng cách nào (bán sỉ, hay bán lẻ, v.v.)

Bước 3: Phát triển sản phẩm

1. Sơ chế: Làm sạch, loại bỏ tạp chất. Đây là cách làm đơn giản nhất để nâng cao giá trị sản phẩm.

2. Chế biến sản phẩm: tăng thêm giá trị cho các kho báu:

- Bằng 7 phương pháp khác nhau: 1) sấy khô; 2) lên men; 3) muối chua; 4) luộc; 5) hun khói; 6) chiên; và 7) kết hợp tất cả các phương pháp trên.



- Điểm mấu chốt để làm ra sản phẩm chất lượng là chế biến hai lần. Ví dụ: sấy khô hai lần, luộc hai lần. Sấy khô và luộc là hai phương pháp để thực hiện nhất nếu không có các dụng cụ và phụ liệu khác.

3. Hàng thủ công mỹ nghệ: cần khắc phục các điểm bị lỗi, và tăng độ bền cho sản phẩm.

Chúng tôi tin tưởng rằng với cách làm IDM, cộng đồng có thể tự phát triển sản phẩm ít nhất cho đến bước này, cho dù đôi lúc cần sự giúp đỡ từ bên ngoài.

Bước 4: Đóng gói

- Giúp sản phẩm địa phương trở nên có giá trị hơn và đạt tiêu chuẩn. Tạo sự tin tưởng cho khách hàng khi có thể truy xuất nguồn gốc và nhìn thấy được thông tin trên nhãn hàng.
- Tùy thuộc vào từng thị trường mục tiêu mà điều chỉnh cách đóng gói bao bì cho phù hợp.

Bước 5: Chứng nhận kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm

- Tạo cơ hội để cộng đồng thử thách tối đa các bước phát triển sản phẩm của mình. Nhờ cán bộ huyện tư vấn và làm việc với họ để đăng ký chứng nhận sản phẩm. Chỉ cần một lần trải nghiệm cách đăng ký chứng nhận sản phẩm, sau này cộng đồng có thể tự làm.
- Nếu muốn bán sản phẩm ở các hệ thống cửa hàng lớn, hãy khuyến khích cộng đồng làm các thủ tục xin đăng ký kiểm nghiệm sản phẩm lên các sở ban ngành hữu quan ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh hoặc Đà Nẵng.

Bước 6: Sản phẩm hoàn thiện

- Chú ý cách vận chuyển, hàng hóa sạch sẽ, giá cả rõ ràng.
- Luôn phản hồi nhanh chóng và giao hàng đúng thời hạn, tạo niềm tin với đối tác.
- Giữ liên lạc thường xuyên với khách hàng để cập nhật ý kiến của khách.



Bí quyết trong phát triển sản phẩm

Bí quyết 1: Chiến lược Cái Đuôi dài (Long tail): Là việc bán những sản phẩm độc đáo, khó tìm, số lượng nhỏ với giá cao cho một phân khúc thị trường nhất định (phần đuôi dài); thay vì bán những mặt hàng phổ biến, mang tính cạnh tranh cao với số lượng lớn (phần đầu). Chiến lược này phù hợp với nông dân sản xuất quy mô nhỏ, đa dạng và độc đáo về chủng loại, đặc biệt là khi người dân biết cách biến điểm yếu thành điểm mạnh. Chẳng hạn, cộng đồng sống vùng miền núi cách các trung tâm, thành phố lớn nên gặp nhiều khó khăn khi tiếp cận thị trường. Tuy nhiên, điều này lại tạo nên thương hiệu đáng tin cậy về dòng sản phẩm tự nhiên, không hóa chất, an toàn, và độc đáo.

Bí quyết 2: Thể hiện khả năng linh hoạt

- Một nguyên liệu có thể làm ra nhiều loại và nhiều kích cỡ sản phẩm khác nhau.
- Giúp gia tăng sự lựa chọn cho khách hàng, sản phẩm càng thỏa mãn nhu cầu của càng nhiều đối tượng khách hàng càng tốt.

Bí quyết 3: Tạo sự khác biệt

- Văn hóa độc đáo cùng phương thức canh tác truyền thống không hóa chất khẳng định được giá trị của sản phẩm; giới thiệu đến khách hàng thông qua các câu chuyện về sản phẩm.
- Mỗi sản phẩm là đại diện cho đặc trưng của cả một cộng đồng, không phải của cá nhân, đây chính là sự khác biệt so với hàng hóa thông thường.

Bí quyết 4: Thử nghiệm và không ngừng cải tiến sản phẩm

- Không ngần ngại thử nghiệm sản phẩm với các loại nhãn mác, bao bì khác nhau.
- Một số cách để thu thập ý kiến thị trường hiệu quả:

A: Làm sản phẩm mẫu - Mang đến cửa hàng để thu thập thông tin trước - Lắng nghe tư vấn - Cải tiến.



B: Làm sản phẩm mẫu - Hướng đến du khách - Lắng nghe phản hồi - Cải tiến.

Bí quyết 5: Thu hút người dân tham gia một cách tự nhiên và thân thiện

- Bất kỳ ai cũng có thể tham gia vào việc phát triển sản phẩm. Khi sản phẩm được tạo ra từ kho báu, ai ai cũng đều cảm thấy hào hứng đánh bóng nó bằng tinh thần vui vẻ hạnh phúc.
- Không giới hạn thành viên tham gia nhóm, tận dụng sức mạnh của các thành viên tiềm năng trong cộng đồng. Thu hút cộng đồng tham gia các hoạt động phát triển không phải là một kỹ năng. Khi cả cộng đồng cùng nhau làm việc, đẩy chính là tiếp cận có sự tham gia của cộng đồng.

Bí quyết 6: Duy trì động lực phát triển sản phẩm từ cộng đồng

Trong thực tế, khi phát triển sản phẩm, không phải mặt hàng nào cũng bán được ngay. Đôi khi sẽ có thất bại làm mọi người dễ dàng từ bỏ. Làm thế nào để duy trì động lực cho cộng đồng tiếp tục phát triển sản phẩm là một điều rất quan trọng. Kinh nghiệm từ Nam Giang, Quảng Nam như sau:

- Chọn kho báu để phát triển. Con người có xu hướng duy trì, phát triển lâu dài những gì thuộc về niềm đam mê, tự hào của cộng đồng.
- Sự tương tác thường xuyên với các chương trình, sự kiện hay những hoạt động Phát triển sản phẩm từ phía nhà nước là sự hỗ trợ tốt nhất từ phía sau cho người địa phương. Chẳng hạn như: sử dụng sản phẩm địa phương làm quà tặng trong các sự kiện của nhà nước; kích hoạt các hoạt động giới thiệu sản phẩm địa phương như lễ hội, hội chợ địa phương; Xúc tiến phong trào Người địa phương dùng hàng địa phương, v.v.





CÂU CHUYỆN 6: SINH KẾ BỀN VỮNG CHO PHỤ NỮ KHMER TỪ ĐỒNG CỎ BÀNG XÃ PHÚ MỸ, HUYỆN GIANG THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

Khu vực 2.000 ha đất ngập nước của xã Phú Mỹ, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang là nơi tọa lạc những diện tích cuối cùng của hệ sinh thái đồng cỏ bàng vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Vùng đất này không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn đa dạng sinh học mà còn là nơi tạo ra sinh kế và bảo tồn giá trị văn hóa từ ngành nghề thủ công của đồng bào Khmer dựa trên khai thác và tạo nên sản phẩm từ cỏ bàng. Đồng bào Khmer, nhóm dân tộc chính của cư dân Phú Mỹ, từ lâu đã biết cách khai thác cỏ bàng nhưng chủ yếu để làm ra những sản phẩm đơn giản sử dụng trong gia đình. Sản phẩm làm ra thường có giá trị thấp. Chính vì vậy mà cỏ bàng đã bị thu hoạch một cách không bền vững do người dân địa phương phải khai thác một lượng cỏ bàng lớn mới có thể mang lại thu nhập cần thiết cho gia đình

Xuất phát từ quan tâm chính đáng về đảm bảo an ninh lương thực và xóa đói giảm nghèo, những kế hoạch phát triển kinh tế đã được khởi động từ những năm 1990 nhằm chuyển đổi diện tích đất ngập nước tự nhiên này thành đất nông nghiệp. Vì là vùng đất không màu mỡ nên nơi đây đã biến thành vùng đất thí nghiệm cho nhiều hoạt động phát triển kinh tế không thành công. Sự chuyển đổi sang đất lâm nghiệp trồng bạch đàn hay đất trồng lúa hoặc nuôi tôm công nghiệp đều thất bại do không giúp xóa đói giảm nghèo trong vùng một cách dài hạn mà còn phá hủy nguồn vốn tự nhiên - nội lực cho việc phát triển kinh tế bền vững của địa phương.

Dự án bảo tồn đồng cỏ bàng Phú Mỹ được thành lập vào tháng 11/2004 được quản lý bởi Chương trình Đông Nam Á của Hội Sứ Quốc Tế nhằm bảo tồn vùng đất ngập nước dựa trên mô hình kết hợp giữa bảo tồn và cải thiện thu nhập người dân địa phương. Kinh phí hoạt động





trong ba năm đầu 2004 – 2006 do Ngân hàng Thế giới và Tập đoàn Tài chính Quốc tế tài trợ. Giai đoạn 2008 -2009, quỹ hoạt động của dự án được tài trợ chủ yếu bởi công ty Holcim, một công ty trong khối kinh tế tư nhân ở Việt Nam. Năm 2005, dự án được nhận giải thưởng quốc tế Dubai UN-HABITAT cho các dự án tốt nhất trong bảo vệ môi trường sống. Năm 2006, dự án được trao Giải thưởng Xích đạo thuộc Chương trình Xích đạo của UNDP nhằm tôn vinh các hoạt động xuất sắc trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và sinh kế bền vững dựa trên sự tham gia của cộng đồng địa phương.

Dự án khởi động bằng cách thuyết phục thành công lãnh đạo tỉnh Kiên Giang giữ lại vùng cỏ bàng Phú Mỹ trong trạng thái tự nhiên. Dự án được giám sát bởi ban chỉ đạo gồm đại diện các đối tác gồm cơ quan cấp tỉnh và cấp huyện, cộng đồng địa phương, các nhà tài trợ và tổ chức giáo dục. Dự án thực hiện nghiên cứu khả thi dựa trên việc ghi nhận ý kiến của cộng đồng địa phương về cách thức quản lý nguồn tài nguyên tự nhiên một cách tốt nhất. Các hoạt động của dự án cũng được triển khai dưới sự tham vấn chặt chẽ của các sãi cả bởi Phật giáo là tín ngưỡng quan trọng của đồng bào Khmer tại xã Phú Mỹ.

Chiến lược của dự án là thành lập khu bảo tồn “mở” để việc khai thác các tài nguyên đất ngập nước được tôn trọng nhưng vẫn được quản lý một cách bền vững. Người dân địa phương được cho phép vào khai thác cỏ bàng trong vùng bảo vệ và tham gia và tất cả các hoạt động để có thể chủ động, độc lập duy trì các hoạt động khi dự án kết thúc. Dự án tổ chức đào tạo nghề để người



dân tạo ra nhiều sản phẩm thủ công có giá trị từ cỏ bàng hơn ngoài việc bán nguyên liệu thô hoặc chỉ tạo ra các sản phẩm đơn giản sử dụng trong gia đình như trước đây. Các hoạt động xúc tiến thương mại cũng được hỗ trợ để sản phẩm được biết đến ở



hiều thị trường trong và ngoài nước làm tăng thu nhập cho người dân. Những sản phẩm thủ công mới không tiêu tốn nhiều nguyên liệu thô cũng làm giảm áp lực khai thác cỏ bàng.

Kết quả khảo sát từ dự án bảo tồn đồng cỏ bàng Phú Mỹ cho thấy Trước khi có dự án, người phụ nữ Khmer tại địa phương đã đan đệm từ cỏ bàng. Mỗi tấm đệm được bán với giá 10.000 đồng (tương đương với 0,62 đô la Mỹ vào năm 2007). Phải mất hai ngày để hoàn thành một tấm đệm như thế. Chính vì lợi nhuận từ sản phẩm này thấp nên cỏ bàng bị khai thác với khối lượng lớn, các hộ gia đình phải làm ra nhiều sản phẩm để đảm bảo cuộc sống của họ. Dự án xác định rằng những sản phẩm thủ công làm bằng cỏ bàng chất lượng cao có tiềm năng tiêu thụ tại Thành phố Hồ Chí Minh, nơi mà thị trường du lịch đang tăng trưởng, mỗi chiếc túi xách tay thủ công tại đây được bán với giá 3 đô la Mỹ (gần 50.000 đồng) hoặc cao hơn.

Đến năm 2007, dự án đã tổ chức tập huấn sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ cho 200 gia đình trong số 350 gia đình đang sinh sống trong địa bàn dự án để sản xuất nhiều loại sản phẩm mỹ nghệ từ cỏ bàng. Sản phẩm sản xuất bởi người dân vùng dự án được bán đi nhiều tỉnh thành của Việt Nam và được xuất khẩu đến 12 quốc gia khác nhau trên thế giới. Thông thường, nam giới khai thác cỏ còn phụ nữ thì sản xuất sản phẩm. Thu nhập của người đan đệm hiện giờ là 30.000 đồng/ngày (1,86 Đôla Mỹ), công nhân sản xuất hàng mỹ nghệ thu được 50.000 đồng/ngày (3,10 Đôla Mỹ). Thu nhập của người dân sản xuất sản phẩm cỏ bàng trước khi có dự án chỉ từ 8.000 đồng đến 10.000 đồng/ngày. Nhận thức về giá trị của hệ sinh thái đất ngập nước tại địa phương cũng tăng lên đáng kể.

Từ Dự án Phú Mỹ đến Hợp tác xã Phụ nữ cỏ bàng Phú Mỹ

Tổ hợp tác đan đệm bàng được hình thành trong giai đoạn hoạt động của Dự án Phú Mỹ vẫn tiếp tục hoạt động nhưng chưa khai thác hết tiềm năng của địa phương. Để những thành quả của dự án được duy trì và tiếp tục phát huy, Hợp tác xã (HTX) Phụ nữ cỏ bàng Phú Mỹ được thành lập ngày 1/8/2017 với sự tham



gia của 25 thành viên là phụ nữ Khmer tại ấp Trà Phô, xã Phú Mỹ, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang trên cơ sở tổ hợp tác đan đệm bàng. HTX thành lập để đáp ứng nhu cầu hợp tác sâu rộng và toàn diện hơn trong thu mua nguyên liệu bàng, đan đệm và tổ chức các dịch vụ hỗ trợ đầu vào, đầu ra để hoạt động kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn cho thành viên tham gia.

HTX huy động vốn điều lệ từ thành viên

là 20.000.000đ với mức tối thiểu 800.000đ/ cổ phần, mức góp tối đa là 4.000.000đ/ thành viên. HTX cũng được hỗ trợ 3 máy ép bàng trị giá 59,85 triệu đồng từ Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và thành viên tiếp cận được nguồn vốn vay 50 triệu đồng từ Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Kiên Giang. Nguồn vốn góp và sự hỗ trợ bên ngoài giúp HTX thuận lợi hơn trong tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong nhiệm kỳ 2017 – 2022, HTX tập trung tiêu thụ các sản phẩm đệm bàng do thành viên làm ra. Các hoạt động ép nguyên liệu cỏ bàng cung cấp nguyên liệu cho thành viên và phát triển sản phẩm, dịch vụ khác cho thành viên sẽ được triển khai ở nhiệm kỳ tiếp theo sau khi HTX hoàn thiện, ổn định hoạt động. Kết quả kinh doanh trong 2 năm từ 2017 – 2019 của HTX, thành viên cung cấp sản phẩm đệm cỏ bàng cho HTX được chia lợi nhuận theo hệ số sử dụng dịch vụ là 678,64đ/ tấm đệm cỏ bàng. Thành viên góp vốn cổ phần được chia lợi nhuận 625.953đ/ cổ phần.

Với chiến lược tổ chức nhiều dịch vụ hơn nữa để phục vụ cho nhu cầu của thành viên; vận động kết nạp thêm thành viên mới để mở rộng quy mô và phạm vi hoạt động; vận dụng tốt các chính sách hỗ trợ của Đảng và Nhà nước với mô hình HTX; tìm kiếm thị trường đầu vào và đầu ra đạt chất lượng, giá cả hợp lý để cung cấp cho thành viên; HTX Phụ nữ cỏ bàng Phú Mỹ sẽ tiếp tục tạo ra thu nhập ổn định cho thành viên và bảo tồn đa dạng sinh học cho vùng đất ngập nước cỏ bàng Phú Mỹ.





CÂU CHUYỆN 7: PHỤ NỮ PHƯỜNG HƯƠNG VÂN, THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ VỚI PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI BỀN VỮNG

Phường Hương Vân thuộc thị xã Hương Trà nằm trong lưu vực sông Bồ, một trong hai con sông lớn nhất ở tỉnh Thừa Thiên Huế, và thường chịu ảnh hưởng rất lớn bởi lũ lụt. Tại địa phương, chăn nuôi là một trong những hoạt động được sự quan tâm với trên 70% số hộ. Trong hoạt động này, người phụ nữ là người chịu trách nhiệm chính ở tất cả các khâu của quá trình chăn nuôi. Quy mô chăn nuôi, những thành công và thất bại cũng thể hiện hết sức đa dạng trong thực tiễn thực hiện quá trình sản xuất này. Hội Phụ nữ của Phường đã chủ động đề xuất giải pháp phát triển chăn nuôi với sự tư vấn hỗ trợ kỹ thuật từ Trường Đại học Nông Lâm Huế.

Hội phụ nữ đã lập kế hoạch phát triển thôn bản với sự tham gia của người dân để chia sẻ sự quan tâm của người dân về việc tổ chức sản xuất này. Trên cơ sở các ý kiến đề xuất, Hội phụ nữ đã thành lập nên các nhóm sở thích trong hoạt động chăn nuôi, ban đầu gồm 21 thành viên.

Nhóm sở thích thảo luận những thuận lợi, khó khăn trong phát triển chăn nuôi ở địa phương và từ đó đưa ra các giải pháp.

<i>Thuận lợi</i>	<i>Khó khăn</i>
<ul style="list-style-type: none"> • Nguồn thức ăn cho chăn nuôi có sẵn. • Nguồn lao động dồi dào và cần cù, siêng năng. • Đất đai rộng để phát triển trang trại chăn nuôi. • Khả năng tiếp cận kỹ thuật. 	<ul style="list-style-type: none"> • Giống tốt, đặc biệt là lợn thịt siêu nạc. • Các bệnh như hội chứng hô hấp và sinh sản của lợn. • Thị trường không ổn định. • Thiếu ngân sách, đặc biệt là các hộ nghèo. • Thức ăn đắt tiền, thức ăn xanh không đủ. • Quy mô nhỏ và thiếu hợp tác trong chăn nuôi, lợi nhuận thấp, chuyển giao kỹ thuật không phải cho tất cả người dân địa phương.



Dựa trên kết quả đánh giá nhu cầu, các khóa tập huấn để nâng cao kiến thức và kỹ năng trong trồng trọt, chăn nuôi, thú y và thị trường đã được triển khai với những hình thức và loại hình tập huấn phù hợp dưới sự hỗ trợ và thúc đẩy của các nhà nghiên cứu. Các hoạt động tham quan học hỏi các mô hình chăn nuôi giỏi cũng đã được các thành viên của Hội quan tâm và thực hiện, bởi vì người dân luôn quan niệm rằng “trăm nghe không bằng một thấy”. Sau mỗi đợt tham quan học tập, Hội lại tổ chức những cuộc họp để chia sẻ thông tin và xác định những vấn đề có thể học tập từ các mô hình đã được tham quan phù hợp với nguồn lực của địa phương và của từng hộ gia đình. Kết quả là một số mô hình sau đã được phát triển tại địa phương:

- Chế biến và sử dụng thức ăn: Lá và củ sắn, bã bia, phát triển hệ thống cây thức ăn xanh.
- Thử nghiệm nuôi lợn nái F1 (Đại Bạch x Móng Cái)
- Chuồng lợn 2 tầng tránh lũ
- Chăn nuôi lợn kết hợp hệ thống biogas (khí sinh học)



Hội đã tích cực tìm kiếm và huy động các nguồn vốn hỗ trợ/đầu tư từ các tổ chức NGO, đặc biệt là việc đứng ra đảm bảo để cho các hộ có cơ hội vay vốn từ ngân hàng. Đồng thời Hội cũng đã xây dựng cơ chế giám sát đồng vốn vay và trả vốn hết sức phù hợp với tình hình địa phương. Hơn nữa, Hội còn tiến hành kiểm tra định kỳ việc triển khai sản xuất và thu hồi vốn theo từng tháng. Bởi vì, Hội cho rằng việc trả toàn bộ vốn vào thời điểm cuối cùng của hạn định vay sẽ gây khó khăn cho nhiều hộ và có tính rủi ro cao.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường đối với cuộc sống và sức khỏe của hộ gia đình và cộng đồng, Hội đã định kỳ tổ chức các buổi nói chuyện và cung cấp các thông tin về môi trường cho các thành viên. Thông qua hoạt động này, các thành viên của Hội đã chuyển nhận thức của mình thành các



hành động thiết thực. Việc quản lý phân thải chăn nuôi thông qua việc xây dựng hệ thống biogas đã được nhiều hộ quan tâm thực hiện, vì hệ thống biogas với nguyên liệu từ phân của hoạt động chăn nuôi không những đem lại hiệu quả về mặt môi trường mà còn đem lại hiệu quả rất cao về mặt kinh tế và sức khỏe cho chính bản thân họ. Và các hộ chăn nuôi cũng ý thức được rằng chính nhờ việc phát triển hệ thống này mà việc chăn nuôi của họ có thể được mở rộng.

Để thông tin được phổ biến kịp thời cũng như tăng cơ hội tiếp cận thông tin cho các hộ gia đình về các vấn đề liên quan đến sản xuất và đời sống, thì việc thiết kế hệ thống chia sẻ thông tin là hết sức cần thiết. Với ý tưởng đó, Trung tâm thông tin cộng đồng đã được thành lập và tiến hành chia sẻ thông tin qua các hình thức sau: đặt một hệ thống các bảng tin nằm ở vị trí công cộng ở các thôn, và xây dựng các tủ sách hướng dẫn sản xuất.

Bài học từ hoạt động áp dụng cách tiếp cận phát triển cộng đồng cho việc nâng cao năng lực của phụ nữ trong chăn nuôi:

- Việc xây dựng các hoạt động phải dựa trên nhu cầu và lợi ích của người dân và cộng đồng;
- Khi đưa ra một quyết định phải đảm bảo được sự nhất trí của đại đa số người dân, đồng thời phải dựa trên nguồn lực và điều kiện cụ thể của hộ gia đình và địa phương;
- Các thông tin phải được phổ biến rõ ràng và tăng cơ hội tiếp cận thông tin cho người dân để hạn chế những xung đột và hiểu lệch lạc vấn đề cần truyền đạt;
- Thu hút sự tham gia của chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị xã hội khác để tạo hành lang pháp lý, góp phần đẩy nhanh tiến độ và hiệu quả của hoạt động;
- Các hoạt động khi triển khai phải được theo dõi và đánh giá thường xuyên, đặc biệt việc tư liệu hóa là hết sức cần thiết để tạo điều kiện cho việc tổng kết đúc rút kinh nghiệm cũng như quảng bá kết quả được dễ dàng hơn.





CÂU CHUYỆN 8: DU LỊCH CỘNG ĐỒNG Ở BẢN NỪA, HUYỆN CON CUÔNG, TỈNH NGHỆ AN

Con Cuông là huyện miền núi phía Tây tỉnh Nghệ An có đường biên giới với Lào, cách thành phố Vinh khoảng hơn 120 km. Đây là vùng đất với nhiều cảnh đẹp đặc sắc, nhiều thác nước hùng vĩ nên thơ, có dòng sông Giăng trong xanh, cùng với nền văn hóa các dân tộc bản địa đặc sắc hấp dẫn du khách, những món ẩm thực nổi tiếng của địa phương ít nơi nào có được.

Bản Nưa là một trong những nơi sinh sống của người Thái thuộc xã Yên Khê huyện Con Cuông tỉnh Nghệ An. Người dân ở đây vốn chỉ quen với nếp sống nhà sàn. Trồng lúa, chăn nuôi là nguồn thu nhập chính, ngoài thời gian làm nông, người phụ nữ ở đây còn dệt thổ cẩm và chăm sóc gia đình.

Trong những năm 2004 tổ chức UNESCO đã lựa chọn một số bản dân tộc Thái tại huyện Con Cuông để cùng nghiên cứu hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trong khuôn khổ hỗ trợ và bảo tồn khu rừng nguyên sinh Pù Mát. Các hoạt động trước đây chỉ mang tính sơ khai và chưa được sự quan tâm và sự vào cuộc của các bên. Cho đến năm 2015, Dự án của JICA về đa dạng hóa sinh kế dựa vào du lịch tại các bản làng nông, ngư nghiệp được thực hiện bởi Đại học Nữ Chiêu Hòa, Nhật Bản và Sở Du lịch Nghệ An. Cơ quan thường trực phối hợp với UBND huyện Con Cuông, Nam Đàn triển khai các nội dung của Dự án, với địa bàn mục tiêu tại huyện Con Cuông là bản Nưa, bản Pha xã Yên Khê. Trong những thời gian đầu, nhóm dự án đã phái cử cán bộ Sở Du lịch tham mưu các văn bản quản lý nhà nước chỉ đạo, hướng dẫn, các địa phương biết và hướng dẫn người dân phối hợp thực hiện vì mục tiêu chung “phát triển du lịch – tạo sinh kế bền vững cho người dân”. Bên cạnh Dự án cùng với cán bộ Sở Du lịch và chuyên gia Nhật Bản xuống tận địa bàn làm việc trực tiếp tới từng người dân để nắm bắt nhu cầu và tâm tư, nguyện vọng. Ban đầu rất vất vả để làm quen với các hộ dân vì bất đồng về văn hóa, ngôn ngữ, phong tục tập quán của địa phương. Hầu hết đàn ông đồng bào dân tộc nơi đây đều không muốn phụ nữ tham gia vào các hoạt



động xã hội, nhất là phục vụ du lịch. Thời điểm này ở đây nói đến từ du lịch đối với bà con rất lạ lẫm. Họ cho rằng làm du lịch sẽ có nhiều xung đột trong gia đình khi khách du lịch đến bản sẽ mang lại những điều không hay và làm xáo trộn cuộc sống gia đình, pha tạp những văn hóa bên ngoài, không theo lối truyền thống của đồng bào dân tộc.

Để làm cho người dân hiểu về du lịch cộng đồng, phía Dự án đã chia sẻ và dẫn chứng các mô hình đã thực hiện tại Đường Lâm – Hà Nội, Phước Tích – Thừa Thiên Huế, các mô hình và hình ảnh của du lịch cộng đồng ở các nơi này. Dần dần người dân địa phương trao đổi, chia sẻ với phía Dự án những tiềm năng trong địa phương để làm du lịch cộng đồng như những gì họ nhìn thấy và học hỏi trong các cuộc tiếp xúc.



Khi khảo sát cùng với người dân, họ đã chỉ ra những hộ gia đình có khả năng làm nơi ở lưu trú cho khách (homestay), những món ăn truyền thống ở địa phương và những người có khả năng chế biến, những nhạc cụ, bài hát và những điệu

múa truyền thống được tổ chức trong các lễ hội. Bên cạnh đó những phong cảnh thiên nhiên như thác nước, rừng cây bản địa, những đồng lúa canh tác của người Thái. Những tiềm năng đó, nếu

Chị Lô Thị Hoa chia sẻ rằng trước kia gia đình chị làm các món ăn rất đơn giản, chỉ bày lên mâm nhôm, bát sứ. Từ khi phát triển du lịch cộng đồng được chuyên gia ẩm thực hướng dẫn, tôi đã biết khôi phục lại các món truyền thống của người Thái ở Con Công và sử dụng đúng những đồ dùng mà tổ tiên người Thái xưa kia vẫn sử dụng. Trước không có xoong nồi, bát đĩa thì đựng đồ ăn vào ống tre nửa bày trên lá tạo điểm khác biệt lạ cho khách.

được tổ chức sẽ có sức hấp dẫn người đến thăm quan.

Ba ngôi nhà truyền thống của các gia đình anh Vi Văn Thụ và chị Lô Thị Hoa, anh Vi Xuân Hanh và chị La Thị Chiến,



anh Lô Đình Nhượng và chị Vi Thị Thành được xây dựng từ những năm 1980, với kiểu nhà truyền thống đặc trưng của người Thái, đã tự nguyện làm nhà nghỉ cho khách. Các gia đình này cùng các gia đình khác trong thôn bản đã cải tạo lại cảnh quan, đường đi lại, tu sửa nhà cửa để làm cho các ngôi nhà vừa đẹp, vừa đủ điều kiện để khách nghỉ lại.

Người dân Bản Nưa tổ chức những hoạt động mang nét văn hóa riêng biệt, độc đáo về văn hóa ẩm thực. Những món ăn truyền thống như xôi tím, cơm lam, cá mát, măng nhồi thịt, nộm đu đủ, nộm chuối rừng v.v. hấp dẫn cùng với cách phục vụ dân dã, tinh tế, sang trọng, đậm đà màu sắc, hương vị núi rừng miền Tây Nghệ An. Những giai điệu dân ca, múa quạt, múa lăm vông, nhảy sạp của đồng bào cũng được dàn dựng, tổ chức công phu. Truyền thống nghề dệt thổ cẩm với những sản phẩm dệt độc đáo đã được khôi phục và phát triển. Có thể nói nét văn hóa với những phong tục, tập quán đặc sắc của dân tộc Thái đã thu hút sự quan tâm của du khách từ trong và ngoài tỉnh.

Nơi đây còn có loại cam ngon nổi tiếng, vị ngọt mát. Cam còn được chế biến thành các sản phẩm như tinh dầu đốt, tinh dầu treo xe, xà phòng cam, rượu hương cam, mứt vỏ cam, v.v. Du khách có thể tham quan, chụp ảnh và thưởng thức trái cam ngay trong các vườn nhà.

Các hoạt động tổ chức cho khách đi tham quan thôn bản bằng xe trâu, bò kéo, khách có thể bắt cá ở suối bằng các dụng cụ truyền thống, tìm cây thuốc trong rừng đã thu hút khách tham quan.



Từ khi triển khai các hoạt động du lịch cộng đồng đã giúp cho người dân có nguồn thu nhập từ 4 đến 6 triệu đồng mỗi tháng. Người dân địa phương cảm thấy vui vẻ có nhiều động lực thúc đẩy hơn. Họ đã cảm ơn các ban ngành đã xây dựng và tạo điều kiện cải thiện sinh kế của họ qua dịch vụ du lịch cộng đồng.



Hiện nay các hoạt động để nhân rộng mô hình và tập huấn đang được triển khai ở bản Nưa và các thôn bản khác trong huyện. Bà con chia sẻ, học tập để tổ chức hoạt động du lịch cộng đồng được bền vững.

Hiện nay HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 về một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 – 2025. Điều này sẽ giúp những người dân làm du lịch cộng đồng tại bản Nưa nói riêng và các hộ dân làm du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An nói chung sẽ ngày càng khởi sắc và phát triển kinh tế bền vững chính đáng trên mảnh đất quê hương của người đồng bào dân tộc.





THÔNG TIN NHÓM TÁC GIẢ

Họ tên	Cơ quan/ Tổ chức
PGS.TS. Lê Văn An	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, 102 Phùng Hưng, Huế; Mobi: 0914-126988 Email: levanan@huaf.edu.vn
TS. Ngô Tùng Đức	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, 102 Phùng Hưng, Huế; Mobi: 0989-686739 Email: ngotungduc@huaf.edu.vn
KS. Lê Minh Đức	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, 102 Phùng Hưng, Huế. Mobi: 0935-240294 Email: leminhduc.2402@huaf.edu.vn
Nguyễn Thị Thanh Nga	Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ; 6B Hoàng Diệu, Ba Đình, Hà Nội ĐT: 08044363; Mobi: 0912-496710 Email: ntnga@mpi.gov.vn
Lê Minh Ngọc	Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương - Ban Nghiên cứu Thể chế kinh tế, 68 Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội; ĐT: 0243-8237658; Mobi: 0988-650529; Email: leminhngocneu@yahoo.com
Tạ Hữu Nghĩa	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển Nông thôn (DCRD), Nhà B9, Số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội; ĐT: 0243-8438794; Mobi: 0912-554806 Email: nghiaktht@gmail.com
Nguyễn Lê Bích Hằng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Viện Quy hoạch và Thiết Kế Nông nghiệp (NIAPP), 61 Hàng Chuối, Hà Nội; ĐT: 0243-9716408; Mobi: 0915-038568; Email: nguyenneleebichhang@yahoo.com
Vũ Thục Linh	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện Quy hoạch và Thiết Kế Nông nghiệp (NIAPP), 61 Hàng Chuối, Hà Nội; ĐT: 0243-9727082; Mobi: 0914334145 Email: vuthuclinh2000@gmail.com



Tạ Văn Tường	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Viện chính sách và chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn (IPSARD), 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội; ĐT: 0243-8219848; Email: vantuong89@gmail.com
Nguyễn Văn Nay	Trường Đại học Cần Thơ, Khu II, đường 3/2, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ; Mobi: 0989-781265; Email: nvnay@ctu.edu.vn
Đỗ Văn Hoàng	Trường Đại học Cần Thơ, Khu II, đường 3/2, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ; Mobi: 0939-116727; Email: dvhoang@ctu.edu.vn
Phạm Thị Hoài Giang	Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, 39 Hàng Chuối, Hà Nội; Mobi: 0904-199900; Email: pthgiang1957@gmail.com
Nguyễn Thúy Hiền	Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, 39 Hàng Chuối, Hà Nội; ĐT: 0243-5380201; Mobi: 0912-166 933; Email: thuyhien.vwu@gmail.com
Trần Thị Thu Hà	Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, 39 Hàng Chuối, Hà Nội; ĐT: 0243-9713858/59; Mobi: 0914-306868; Email: tranthuha1@gmail.com
Nguyễn Thị Phương Nhung	Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, 39 Hàng Chuối, Hà Nội; ĐT: 0243-9713858/59; Mobi: 0936-100980; Email: phuongnhung@gmail.com
Trần Hương Thảo	Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, 60 Bà Triệu, Hà Nội; ĐT: 0246-2631942; Mobi: 0912-469498 Email: tka2001@gmail.com



Đoàn Đức Lâm	Trường Đại học Tây Bắc, Tổ 2, Phường Quyết Tâm, Thành phố Sơn La; Mobi: 0912-504625 Email: doanduclan@utb.edu.vn
Hoàng Xuân Trọng	Trường Đại học Tây Bắc, Tổ 2, Phường Quyết Tâm, Thành phố Sơn La; Mobi: 0968-681088 Email: tronghx@utb.edu.vn
Đặng Trung Kiên	Trường Đại học Tây Bắc, Tổ 2, Phường Quyết Tâm, Thành phố Sơn La; Mobi: 0912-346570 Email: dangtrungkien@utb.edu.vn
Hoàng Đức Chung	Sở Du lịch tỉnh Nghệ An Số 7 Đại lộ Lê Nin, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An; ĐT: 023-8841557; Mobi: 0931-363768; Email: chunghd.sdl@gmail.com
Trần Thị Thu Oanh	Tổ chức Cứu trợ/ Phát triển Quốc tế (FIDR), 54 Hải Phòng, TP. Đà Nẵng; ĐT: 023-63540405, Email: tranthithuoanh@fidr.vn
Đỗ Thị Mỹ Hoa	Tổ chức Cứu trợ/ Phát triển Quốc tế (FIDR), 54 Hải Phòng, TP. Đà Nẵng, ĐT: 023-6 3540 405, Email: dothimyhoa@fidr.vn
Trịnh Thục Thanh Thủy	Văn phòng JICA Việt Nam Tầng 11, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội. ĐT: 024-38315005



NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

167/6 Phương Mai – Đống Đa – Hà Nội

ĐT: (024) 38523887, (024) 38521940 – Fax: (024) 35760748

Website: <http://www.nxbnongnghiep.com.vn>

E-mail: nxbnn1@gmail.com

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

58 Nguyễn Bình Khiêm – Q.1 – Tp. Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 38299521, (024) 38297157 – Fax: (028) 39101036

SỔ TAY HƯỚNG DẪN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

TÀI LIỆU DÀNH CHO NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

*Tài liệu do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA)
hỗ trợ xuất bản*

CHỦ BIÊN

LÊ VĂN AN, NGÔ TÙNG ĐỨC, LÊ MINH ĐỨC
TRỊNH THỰC THANH THỦY

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc – Tổng Biên tập: TS. Lê Lâm

Biên tập và sửa bản in: Đinh Văn Thành

Biên tập Mỹ thuật, minh họa: họa sĩ Nguyễn Mai Hương

Trình bày, bìa: Nguyễn Anh Đức

In 1.500 bản khổ 17.5 x 25cm tại

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Đức Anh.

Địa chỉ: Số 16 Ngụy Như Kon Tum – Nhân Chính – Thanh Xuân – Hà Nội.

Đăng ký KHXB số 795-2021/CXBIPH/1-22/NN ngày 15/ 03/ 2021.

Quyết định XB số: 05/QĐ-NXBNN ngày 15/ 03/ 2021.

ISBN: 978-604-60-3320-2

In xong và nộp lưu chiểu quý I/ 2021.

